

TU SÁCH QUÊ HƯƠNG

TRUYỆN

trăng lợn

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
HÀ NAM NINH

TỦ SÁCH QUÊ HƯƠNG

TRUYỆN
TRẠNG LỘN
(PHIÊN ÂM TỪ BẢN CHỮ NÔM)

Phiên âm và giới thiệu:
KIM MÃ – VŨ HOÀNG

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
HÀ NAM NINH – 1987

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU

TRUYỆN TRANG LỢN TỰA ¹

HỒI THỨ NHẤT Hội thái bình, thiên tinh hạ giáng, - Ứng mộng thụy thánh để ra đời

HỒI THỨ HAI Trông vị tinh, Tả Ao biết trước - Xử tử tế, địa lý trả ơn

HỒI THỨ BA Cảm lòng thiện, thần hiện đầu thai - Phát âm phần, di nhân xuất thế

HỒI THỨ TƯ Lúc thuở trẻ, thỏ thẻ nức cười - Xem vinh quy, lăm le muốn những ...

HỒI THỨ NĂM Học thời kém, nói lém thành thần - Chữ không hay, lại xoay nghề cũ

HỒI THỨ SÁU Nói khôn ngoan, mà quan phải vị - Bực anh chi, phần chí ra đi

HỒI THỨ BẢY Gặp bầu bạn, được vạ câu hay - Nói vu vợ, khù khờ mà trúng

HỒI THỨ TÁM Trang họ Bùi, trời sui đem đến - Duyên định trước, chẳng ước mà nên

HỒI THỨ CHÍN Lạc vào miếu, may khéo đưa đường - Gặp thầy tiên, dạy truyền phép báu

HỒI THỨ MƯỜI Mở hàng bói, tiếng nổi kinh thành - Hồ tính danh, lộ tình quân trộm

HỒI THỨ MƯỜI MỘT Trang hiển hách, quý khách đầy nhà - Bạn đồng canh, giao tình kết nghĩa.

HỒI THỨ MƯỜI HAI Gác Đông thành, dẫn mình cứu chúa - Chùa Thánh Chúa, được chỗ yên thân.

HỒI THỨ MƯỜI BA Loạn đã đình, vua thánh trị vị - Chúa lên ngôi, bày tôi lên trạng

HỒI THỨ MƯỜI BỐN Về vinh quy, kết ngãi thực nữ - Phụng chiếu chỉ, vội tới kinh thành

HỒI THỨ MƯỜI LĂM Báo thù tư, Thái sư mưu hại - Dùng trí thuật, Trang Vật khoe hùng

HỒI THỨ MƯỜI SÁU Bình hai động, công lao hiển hách - Dâng công trạng, Thánh thượng bao phong

HỒI THỨ MƯỜI BẢY Lộ mưu thù, Thái sư chịu tội - Hết phép thử, Bắc sứ phục tài

HỒI THỨ MƯỜI TÁM Sang sứ Tàu, nói đâu ra đấy - Dạy hoàng tử, đôn dũ thoát thân

HỒI THỨ MƯỜI CHÍN Cáo trí sĩ, phụng chỉ gia phong - Bến Tự Nhiên, gặp tiên đòi phép

LỜI GIỚI THIỆU

T

rong kho tàng truyện cười vô cùng phong phú của nước ta trước đây, *truyện Trạng Lợn* và *truyện Trạng Quỳnh* là hai truyện vào loại dài, rất phổ biến và được nhân dân ta xưa nay ưa thích.

Trước và sau Cách mạng tháng Tám, *truyện Trạng Lợn* đã được nhiều bản quốc ngữ kể lại, tóm tắt, dài ngắn theo cách khác nhau, tuy vẫn giữ cái cốt.

Bản mà TỬ SÁCH QUÊ HƯƠNG (Hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh) giới thiệu ở đây được phiên âm gần như nguyên văn, chỉ chỉnh lý dăm bảy chỗ cho thích hợp, theo một bản chữ Nôm tên là *Trạng Dừa truyện lục*, do một người có tên hiệu Mộng Quế, soạn lại vào tháng 9 năm Canh Thân thời Khải Định (tức năm 1920) khắc in năm 1926. Chúng tôi có tham khảo và đối chiếu với hai bản viết tay khác, thấy có một số chữ thêm bớt, nhưng đại để cùng một gốc với bản nói trên. Theo lời TỰA của Mộng Quế thì Soạn giả dựa vào một cuốn sách khác, chưa rõ là chữ Nôm hay chữ Hán và thời gian biên soạn.

Bản Mộng Quế theo chúng tôi có thể là một bản đã phổ biến sớm hơn các bản quốc ngữ, và có thể các bản quốc ngữ về sau đã dựa vào đó. Ngôn ngữ, văn phong của bản này nói chung là cổ hơn, gần gũi với cách kể xa xưa hơn. Đặc biệt là nó có nhiều tình tiết sinh động, phong phú mà các bản quốc ngữ đã cải biên và lược bỏ đi nhiều. Do đó, nó có thể gợi ra nhiều suy nghĩ, nhận định về nội dung, ý nghĩa, tình hình và quá trình phát sinh, phát triển của *truyện Trạng Lợn* mà trước đây chưa phải đã được đánh giá đầy đủ.



Truyện gồm 19 hồi, diễn biến theo một trình tự chặt chẽ, qua đó dần dần hiện lên một nhân vật chính là Trạng Lợn với đầy đủ hoàn cảnh xuất thân, lý do ra đời (hồi 1, 2, 3), thời thơ ấu học hành, ước vọng (hồi 4, 5, 6), khi trưởng thành đi tìm công danh gặp vận lừng lẫy (hồi 13 – 18), cho đến khi hết tuổi, “về trời” trọn vẹn (hồi 19). Ngoài ra, còn có cả loạt nhân vật phụ, xuất hiện

song song (Trạng Ân, Trạng Vật, Trạng Cờ, Phấn Khanh, ...), hoặc trong một vài đoạn (ba ông Trạng vừa nói), hoặc đối lập (Dương Thái sư, các quan Tàu) với nhân vật chính, như những bối cảnh làm nên nổi rõ nhân vật chính. Trừ đoạn đi sứ, đánh giặc, còn ngoài ra nhân vật Trạng Lợn không đương đầu quyết liệt với các thế lực hắc ám đương thời. Cuộc đời Trạng Lợn gặp toàn may là may, cứ tuần tự thăng tiến, đầy những ngẫu nhiên, hư hư hoặc hoặc tưởng đến vô lý, làm người thưởng thức không thể không suy ngẫm. Qua từng đoạn, rồi cả truyện, ít có thể phá lên những tràng cười sảng khoái như ở *truyện Trạng Quỳnh*. Thêm vào đó, truyện lại có nhiều chi tiết dị đoan, thần bí. Phải chăng vì thế mà trước đây có ý kiến đánh giá *truyện Trạng Lợn* kém giá trị hơn *truyện Trạng Quỳnh*?

Có đúng thế không? Nội dung đích thực của *truyện Trạng Lợn* là gì?

Đầu tiên, cần chú ý đến tính chất thực thực hư hư của truyện.

Truyện Trạng Lợn có bối cảnh lịch sử hắc hoi, từ đời Thái tông đến Thánh tông nhà Lê (khoảng nửa đầu thế kỷ XV); có những chi tiết lịch sử liên quan, đại thể cũng là có thật: Nghi Dân cướp ngôi vua, hoàng đế Tư Thành trốn loạn được đón về lập hoàng đế. Thời ấy cũng có ông tướng công họ Bùi thực, mà theo tài liệu ở địa phương ông tên là Bang, đỗ hoàng giáp, quê ở Bồ Xá, (thuộc huyện Bình Lục), làm quan đến Thượng thư Thiếu phó Lại quốc công.

Quê Trạng được kể là làng Mạnh Chư. Làng này nay vẫn còn mang tên ấy (ở huyện Bình Lục, Hà Nam Ninh). Ở địa phương, các ông già bà cả còn có thể chỉ cho biết đâu là nền nhà, đâu là nơi thờ Trạng. Thậm chí vào đầu những năm 30 của thế kỷ này, Ngô Vi Liên viết *Địa dư Bình Lục* còn coi Trạng Lợn là một “danh nhân” của đất Bình Lục (cũng như Nguyễn Khuyến vậy!). Tưởng đâu như Trạng Lợn là một con người có thực trong lịch sử.

Kỳ thực như thế nào? Ở làng Mạnh Chư, người kể tên thực của Trạng là Lưu Công Đạo, người nói là Văn Công Đệ, vào sách lại thành Dương Đình Chung (mà là Mạnh Chư xưa nay chưa bao giờ có họ Dương). Về *Trạng Quỳnh*, người ta có thể tìm ở nơi phát tích của truyện là tỉnh Thanh Hóa, một ông cống (cử nhân) Nguyễn Quỳnh có thực, sống vào khoảng cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII; vào truyện, được dân gian “phong” cho là “Trạng”. Còn về Trạng Lợn, cái tên được coi là húy của Trạng đã biến đổi

nhiều qua thời gian và không gian, qua truyền miệng đến khi vào sách vở. Và càng không thể tra cứu được có cái tên nào Lưu Công Đạo, hoặc Văn Công Đệ, hoặc Dương Đình Chung, đã đỗ trạng nguyên hay học vị nào đáng kể vào thời Lê Thánh Tông, hoặc kể cả trong toàn bộ lịch sử của khoa cử nước ta.

Khác với Trạng Quỳnh, ngay cái tên Trạng Lợn cũng giàu ý vị hài hước. Nguyên trước Trạng có tên là Trạng Dừa, Dừa là tên Nôm cũ của làng Mạnh Chư mà chữ Chư đồng âm với chữ Trư là lợn. Cũng như, khi Trạng được các sách chép truyện cho mang họ Dương, có lẽ được gọi húng do liên tưởng đến hình thù cái gò đầu làng, theo truyện kể, trông tựa con dê (chữ Hán là DƯƠNG), mà ở đó có tinh “thần đồng”^[1] thác sinh thành Trạng. Và lại, dòng dõi Trạng làm nghề thịt lợn. Loại người này xưa kia vẫn bị coi là hèn hạ. Song, do mua tranh bán cạnh, tiếp xúc với đủ mọi hạng người, cho nên họ cũng dễ tinh ranh, giao hoạt. Riêng cái kho tiếng lóng nghề nghiệp của giới họ cũng có thể cung cấp nhiều chi tiết gây cười, lý thú. Từ thân phận một kẻ hèn hạ, thế mà bỗng nên danh nên giá lẫy lừng bậc nhất thiên hạ, một thứ giọng điệu ngôn ngữ “đầu đường, xó chợ” nhường ấy mà ngẫu nhiên trở thành khẩu khí “có gang, có thép”. Đến đây, dễ thấy sự dụng ý, dụng công rõ ràng trong cách đặt và chuyển đổi họ tên, trong cách chọn một mẫu người xã hội cho thật thích hợp để dễ gây cười, để cười cho sâu cay. Đến đây, cũng dễ thấy truyện kể tuy có thời gian, không gian, hoàn cảnh, quê hương, nhân vật cụ thể để cho như thực, mà lại là hư.

Có thể, ở làng Mạnh Chư xa xưa, không nhất thiết vào thời Lê, cũng có một người nào đó mang chút ít đáng đáp tính cách và chi tiết cuộc đời kiểu Trạng Lợn trong truyện, cho nên đã trở thành đề tài một câu chuyện vui trong vùng. Rồi người này qua người khác, đời này qua đời kia, dân gian tô điểm thêm chi tiết hoa lá, bồi đắp cho đủ đầu đuôi xuôi ngược để nhằm ngụ ý ngụ tình đối với thời cuộc. Cuối cùng, Trạng Lợn, như ta biết ngày nay, trở thành một nhân vật “bịa” (hư cấu), một nhân vật văn học điển hình mang ý nghĩa trào lộng.

Đến nội dung truyện. Cả ba hồi đầu là lý do ra đời của Trạng. Đủ mọi yếu tố thần bí, siêu nhiên mà tín ngưỡng dị đoan xưa kia thường gán cho các bậc tài ba xuất chúng. Vua cha cùng vua mẹ phải đi cầu tự để Ngọc hoàng trên thiên đình phải đích thân cử tá tinh (tức bốn ông Trạng, trong đó có Trạng

Lợn xuống phò tá khôi tinh (tức Lê Thánh Tông sau này). Thầy địa lý Tả Ao phải lặn lội từ Nghệ An ra Mạnh Chư tìm huyết để mộ. Tinh thần đồng ở gò thiêng phải thác sinh vào nhà ông hàng thịt. Tiên ông Chủ Đồng Tử phải hiện hình ban truyền phép thuật bói toán. Biết bao khí thiêng hun đúc mới nên được một “quý tử” ấy học năm bảy hôm không thuộc nổi tám chữ, vậy mà cứ khẳng khẳng yên chí rằng mình nhất định phải làm trạng. Toàn bộ vốn liếng chữ nghĩa của Trạng đem ra thi thố với đời chỉ vền vẹn trong một quyển sách mở lòng *Tam tự kinh*. Vậy thử hỏi: tất cả uy lực của thượng đế, thánh thần, tiên bụt và cả trò địa lý của thầy Tả Ao nức tiếng cao tay, thực chất là cái gì và đáng là cái gì?

Lớn lên vào đời, cái anh chàng ngu ngu ngơ ngơ, khôn chưa hẳn là khôn, ngớ ngẩn không ra ngớ ngẩn ấy, lại gặp toàn những may mắn “chó ngáp phải ruồi” hết sức ngẫu nhiên. Song nghĩ kỹ, mỗi chi tiết hư hư hoặc hoặc ấy đều ẩn chứa những ý nghĩa sâu xa: “Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng”. Câu đầu tiên của sách mở lòng Nho giáo đã bắt trẻ con phải nhồi nhét cái mớ triết lý duy tâm “Trời phú cho ta cái trí thông minh, còn ông Thánh – tức tổ sư đạo Nho – giúp cho ta đem ứng dụng ở đời cho có hiệu quả”. Song đầu óc mít đặc của chú Trạng con không những không tiêu thụ nổi, mà có biến nó thành “Thiên tích *thong manh*, Thánh phù *chổng gọng*”. Trời thì cho sự *thong manh* (có mắt như mù!), còn Thánh chỉ có giúp cho ... *ngã chổng gọng*. Được tích sự gì?

Một trong những nguyên tắc hàng đầu của đạo đức Nho giáo là LỄ. Lễ nghi ở chốn triều đình, chốn quan môn, nơi miếu mạo lại càng phải vô cùng nghiêm trang, kính cẩn. Nhưng sự “tập lễ nghi” chẳng qua chỉ là trò nghịch ngợm trẻ con, qua lời chống chế của chú Trạng với thầy đồ. Cái phương châm “Tiên học lễ, hậu học văn” (trước phải học lễ rồi sau mới học đến chữ nghĩa) của Nho giáo, chẳng qua chỉ là cái cớ để “thầy đồ” Trạng che đậy cái bụng không mấy hột chữ của mình để dậm dọa, đánh đòn lũ con hoàng đế Tàu đến phải bỏ học. Lễ như thế đó!

Còn cái thứ vũ trụ quan của Nho giáo đầy bí hiểm là “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng biến hóa vô cùng” thì bị bôi bác bằng cái thao tác nghề nghiệp mỗ lợn của ông Trạng, xuất thân làm nghề thịt lợn. Đến ông trời (THIÊN: 天), một thể lực siêu nhiên mà Nho giáo bày đặt ra để áp chế thiên hạ, thì cũng bị cậu Trạng con chiết tự thành NHỊ NHÂN:

二人 (hai người: ông trời và bà trời) hết cả vẻ tôn nghiêm, thần bí.

Rồi những lý tưởng muôn thuở của Nho giáo cũng nhất loạt bị đem ra đùa cợt. Phàm các nhà nho xưa kia, mấy ai không đeo đuổi ước vọng khoa danh: đỗ cao, quan to, sự nghiệp hiển hách. Như vậy, Trạng Lợn được vua ban phong CHÂN TRẠNG NGUYÊN, thật chứ có phải giả đâu, “nguyên” chứ có phải “dở” đâu! Ông ta từng lập công đầu trong việc cứu nguy, phò tá hoàng đế, chế áp gian thần. Ông ta đánh giặc có chiến tích lừng lẫy. Ông ta đi sứ, ứng đối, biện bác như thần, khiến đối thủ phương Bắc kính phục rạp đất. Tước đến Thượng quốc công. Vợ là mệnh phụ nhất phẩm phu nhân. Công danh, sự nghiệp hiển hách như thế còn gì! Nho, y, lý, số, trong bốn nghề trí óc ngày xưa, chỉ có y là Trạng chưa làm, còn Trạng đều tinh thông. Thật là một mẫu mực hiện đạt lý tưởng của nho sĩ xưa kia!

Chỉ có điều là, mọi ngón thành công của Trạng đều như trò khôi hài. Chữ nghĩa không ngoài mấy câu trong sách *Tam tự kinh*. Mọi “tài ba” của Trạng chỉ do người khác gà cho đến nơi đến chốn: cứu vua là do ông tiên họ Chử dẫn trước; đánh giặc lập công là do cô vợ Phấn Khanh bày mưu. Hoặc học lỏm được tí nào thì lấp lại như vệt, may ra tự nói được điều gì ngớ ngẩn chẳng ăn nhập vào đâu thì lại trúng. Thậm chí, dốt quá, trông chữ nọ xọ ra chữ kia, thế mà lại thành ra có tài tiên đoán thần thông. Đúng là: “*Được thời dễ nói phét*” (nguyên văn).

Tự trung, Trạng Lợn dường như là “đối tượng để người ta chế giễu. Song lại không hẳn thế. Nếu là thế, người ta đã ghét. Ở nhân vật Trạng Lợn còn có cái gì đó khiến ta không những không ghét, mà lại thấy thu hút.

Trong xã hội phong kiến trước đây, Nho giáo chi phối mọi mặt về tinh thần, đạo lý, lễ sống, trật tự xã hội, tiêu chuẩn đánh giá con người, ... Giai cấp thống trị còn lợi dụng thần quyền để mê hoặc, hù dọa dân chúng. Tất cả đều có những khuôn mẫu rất mực chặt chẽ, cực kỳ thiêng liêng, tưởng như vĩnh hằng, bất biến. Ấy thế mà Trạng Lợn xuất hiện y như một anh hề chèo đại tài, chỉ một câu nói, một cử chỉ, tất cả đều trở thành trò đùa trên sân khấu. Trạng Lợn chỉ lấp lại ngớ ngẩn một câu đối học mót mà vua Thánh tông lập bút ban phong CHÂN TRẠNG NGUYÊN. Trạng Lợn chỉ dùng mẹo vặt đối phó với sứ Tàu một tí mà hoàng đế nhà Lê đã nức nở ban khen: “Nếu trong triều đều như bậc các người cả thì trăm chỉ nằm yên ngủ kỹ (!)”. Như thế thì không phải ngẫu nhiên mà Trạng Lợn lại được đặt vào bối cảnh lịch sử thời

Lê Thánh tông, vị anh quân nổi tiếng ở thời đại thịnh trị bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Thời ấy mà còn thế! Vua ấy mà còn thế! Vậy triều khác, thời khác sẽ như thế nào? Toàn bộ cái chế độ vua quan là như thế nào? Ở đây có cách trào phúng như kiểu nhà thơ Yên Đỗ, nhân vịnh Truyện Kiều, đoạn gia đình Thúy Kiều mắc nạn, đã hạ câu:

*Có tiền việc ấy mà xong nhỉ!
Đời trước làm quan cũng thế a?*

Đến đây, ta càng nhận thấy ở *truyện Trạng Lợn* cái chất trào lộng nhẹ nhàng, chơi chơi mà sâu sắc, mang ý nghĩa bài bác nhiều tín điều cơ bản của Nho giáo mà giai cấp phong kiến đã đề cao lên thành thiên kinh, địa nghĩa. Nó còn chế giễu cả cái chế độ phong kiến với ông vua mu mơ, với những bầy tôi ngu ngơ như kiểu Trạng Lợn, mới nứt mắt đã lên mặt tự phụ, chăm chăm tiến thân theo con đường khoa cử, công danh mà chung quy thực chất chỉ là lặp lại như vệt theo sách vở hoặc những điều người khác mớm cho.

Tuy nhiên, người ta không hẳn mất cảm tình với Trạng Lợn khi anh ta tỏ ra hãnh tiến, có lúc lên mặt với kẻ này, kẻ khác. Song đó là đối với những tên bất lương: Cam, Quýt, Lục, Sở. Còn nói chung Trạng Lợn vẫn là người đôn hậu, hiếu đễ trong gia đình, nghĩa tình với bè bạn, chung thủy với vợ hiền. Anh ta chỉ có vẻ dớ dẩn, dốt nát khi phải ứng phó, đối đáp bằng những thứ chữ nghĩa lủng củng, xa lạ, tuồng như vô nghĩa đối với những con người bình dân chất phác, thực tiễn. Ngoài ra, nhiều lúc anh ta lại tỏ ra thông minh, sắc sảo vô cùng. Ấy là khi anh ta cố tình nhìn nhận cái động tác vuốt mặt, tẽ râu ở ông quan về hưu, thành động tác ra hiệu bằng lòng bán lợn giá 18 quan, để rồi cuối cùng cả hai ông bà “cha mẹ dân” phải phục tài, chịu thiệt. Ấy là khi anh ta đưa cái vòng tròn “Bao quát càn khôn” ra, với hàm ý khoanh lại cái chữ thập “Tung hoành vũ trụ” sắc hơi khoác lác bành trướng của lũ quan quân Thiên triều giữ ải. Chi tiết này thức khoái chá! Không phải vì nhại lại cái tiếng Tàu chữ tục, lấy nó đập nó rất đúng chỗ, mà chính vì cái tính khái quát rất cao của sự đối đáp. Phải quyết chặn đứng cái tham vọng ngông cuồng của bọn bành trướng phương Bắc, há chẳng phải là một thực tiễn, một chân lý mà dân tộc ta đã từng phải đấu tranh suốt trường kỳ lịch sử giữ nước và dựng nước đó sao? Những lúc ấy, Trạng Lợn lại phân thân, hóa thân thành đại diện cho trí tuệ, tài năng của nhân dân mình, của dân tộc mình.

Cả đoạn Trạng đi sứ đều bất ngờ, lý thú, đầy kịch tính như những đợt

sóng xô dồn đến cao trào, là đoạn hay nhất của truyện. Kiến thức dân gian xem rễ đa, lá cỏ để đoán điềm trời mưa, đã giúp Trạng thắng mọi lễ nghi, pháp thuật đảo vũ ở triều đình phương Bắc. Câu nói lái dớ dẩn “Sứ tiên ban, Sứ tiên cung ...” chỉ nhằm gỡ thế bí, ngẫu nhiên trở thành lời sấm ký định mệnh mà mọi cái đầu uyên bác ở cái nước vẫn tự phụ là văn minh bậc nhất ấy không sao đoán nổi. Thiên triều vẫn dương dương tự đắc mình là cái rốn thiên hạ, bốn phương đều phải quy phục, thì qua câu nói ngẫu hứng rất tếu của Trạng, chẳng qua kinh đô nơi ấy chỉ như chỗ bện ... (!). THIÊN, ông trời (vẫn được các hoàng đế Thiên triều tôn là bố, mà tự xưng là Thiên tử - con trời) bị Trạng dùng phép chiết tự, đánh cho cái đầu bằng (=), bất quá bằng hai vị sứ nước Nam. Xước đến thế còn gì! Vũ trang bằng sự thông tuệ dân gian, trên tư thế tiến công, Trạng đã giành thắng lợi ở mọi trận đấu trí trên cả những lĩnh vực có tính chất nguyên tắc, tôn nghiêm ngay tại cái ổ phát tích của ý thức hệ và chế độ phong kiến phương Đông. Tầm cao và chiều sâu của giai thoại Trạng Lợn đi sứ là ở chỗ ấy.

Về tính chất, *truyện Trạng Lợn* tuy đậm màu sắc dân gian, nhưng lại cũng nhiều chất bác học. Như lời TỰA của người soạn lại để đưa in thành bản chữ Nôm, thì truyện đã được trước đó và đương thời lưu truyền và cố định bằng văn bản (chưa rõ bằng chữ Nôm hay chữ Hán). Tiếp xúc với văn bản Nôm này, ta thấy sự gia công định hình cho truyện là khéo và công phu. Truyện viết theo lối tiểu thuyết chương hồi, từng đoạn tiếp nối nhau, liên kết chặt chẽ, hô ứng lẫn nhau thành một chỉnh thể, khó có thể bỏ một đoạn nào được. Có tình tiết bắt nguồn từ các truyện cổ dân gian. Nhưng cũng có nhiều tình tiết được gợi hứng từ sách vở. Đoạn lý do sinh trạng như ở nhiều truyền thuyết về các bậc danh nhân trong lịch sử. Đoạn tiên Chủ Đồng Tử na ná truyện Trương Lương với Hoàng Thạch Công. Đoạn mưu mẹo Trạng đi chinh phạt thì đầy rẫy trong các tiểu thuyết chinh chiến của Tàu. Đoạn gặp gỡ giai nhân thì hơi hướng như trong *Tình sử*. Bước thang danh vọng hiển quý của Trạng theo cái cỗi trình tự nhà nghèo, đỗ đạt, lấy vợ đẹp, làm quan to đánh giặc lập công, trừ khử gian thần, ... thì phỏng phát từ nhiều truyện Nôm khuyết danh. Đọc lên, cứ thấy vừa quen quen lại vừa là lạ. Cái tạo nên cảm giác quen quen chưa hẳn chỉ là sự cóp nhặt, mà ở đây hình như có dụng ý của người kẻ muốn tạo nên sự lặp đi lặp lại nhằm chán như thân phận những nhà nho gọi là hiển đạt ngày xưa. Cái tạo nên cảm giác là lạ thú vị, ấy là những chỗ nhân vật ngẫu nhiên, bất ngờ, ngớ ngẩn lặp lại những điều vừa học mót

được như con vẹt, mà thế nào lại trúng. Ở đây, cách thể hiện cũng có dụng ý khái quát cái sự học hành, lập ngôn, lập nghiệp của nhà nho xưa kia có khác gì con vẹt sách, toàn những “Tử viết ... Thánh vân ...” (Đức Khổng tử nói ..., bậc thánh nhân rằng ...) may ra gặp thời mà nên danh nên giá. Cho nên chuyện tưởng như là “cóp”, là “bịa”, là hư nhưng chung quy lại rất thực. Về mặt này, nó cũng khác nhiều với cách kết cấu theo thủ pháp truyền thống ở các truyện cười khác.

Đến đây, ta có thể đoán định: Từ một mẫu chuyện dân gian lúc đầu còn lỏng lẻo, sơ sài và hạn chế về tầm mức, một nho sĩ nào đó (có thể không phải chỉ một người hoặc chỉ làm một lần) đã gia công viết lại, hư cấu, bổ sung thêm, kết cấu cho có lớp lang, chương hồi chặt chẽ, với một thủ pháp nhất quán, nhằm nâng cao sức hấp dẫn và tầm khái quát để nó trở thành một truyện hoạt kê. Cho nên, nó vẫn nhiều tính chất một truyện cười dân gian, song đồng thời đã có khuynh hướng vươn tới một sáng tác văn học hoàn chỉnh với hoàn cảnh điển hình, với nhân vật điển hình là Trạng Lợn, kiểu một Xuân tóc đỏ trong Số đỏ của Vũ Trọng Phụng sau này.

Truyện Trạng Quỳnh, cũng như nhiều truyện cười dân gian khác, tuy đánh vỡ mặt nhưng thường mới chỉ vào những rạn nứt bên ngoài của chế độ phong kiến. Tiếng cười trong *truyện Trạng Lợn* tuy có vẻ như đùa cợt chơi chơi, song, lại mang ý nghĩa phủ nhận chế độ phong kiến đến tận những vấn đề thuộc ý thức hệ, thuộc quan điểm, đạo đức, lễ sống của Nho giáo. Đối đầu với thể lực phong kiến Trung Hoa, nó không chỉ đề cao trí thông minh, tài giỏi của dân tộc ta như một sự tự hào, khẳng định mà hơn thế nữa, nó còn vạch trần bản chất của chủ nghĩa bành trướng phương Bắc, xác định tư thế và trách nhiệm lịch sử của dân tộc ta. Tiếng cười ở *truyện Trạng Lợn* tuy không sáng khoái bột phát ra ngoài, nhưng lại giàu chất khái quát triết lý. Những tình tiết tưởng như ngẫu nhiên, nhưng lại hàm chứa những ý nghĩa tất nhiên. Giá trị *truyện Trạng Lợn* là ở chỗ đó.

Nhiều tài liệu đoán định *truyện Trạng Quỳnh* xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ XVIII sang thế kỷ XIX, lúc chế độ phong kiến đã suy nhưng chưa tàn. Nó mới như tiếng chuông báo hiệu sự sụp đổ của chế độ phong kiến là không thể tránh khỏi.

Còn *truyện Trạng Lợn*. Có thể có những chi tiết truyện đã phôi thai từ sớm trong dân gian, nhưng thành một truyện hoàn chỉnh như ta biết thì phải

từ khi ý thức hệ phong kiến đã khủng hoảng đến cùng cực, chế độ phong kiến đã tàn tạ đến sụp đổ, để người ta tha hồ chế giễu. bôi bác, phủ định. Đó là tiếng kèn giễu cợt, mỉa mai, đưa ma chế độ phong kiến.



Dù thế nào, *truyện Trạng Lợn* cũng đã trở thành tài sản văn hóa chung của dân tộc ta, được nhân dân ta ưa thích. Lại có nhiều chỉ dẫn là truyện có xuất xứ gắn bó với quê hương Bình Lục nói riêng, Hà Nam Ninh nói chung. Làng Mạnh Chư còn đó với nhiều chứng tích dân gian có thể liên quan đến một mẫu nhân vật xa xưa của truyện. Hà Nam Ninh còn là một vùng quê cưỡi với hai nhà thơ trào lộng Yên Đỗ, Tú Xương nổi tiếng; còn như Kép Trà, Phạm Ứng Thuần, Trần Tích Phiên, ... thì không phải ít. Vùng đất ấy, chứng tích ấy, tâm lý và tài hoa truyền thống ấy, đó là lý do để có thể ghi nhận *truyện Trạng Lợn* phát tích tự quê này.

Vì vậy, chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc TỦ SÁCH QUÊ HƯƠNG bản *truyện Trạng Lợn* này, vừa giàu màu sắc quê hương, vừa nhiều ý vị của lối kể chân chất, phác thực xưa cũ. Nó cũng hết sức có ý nghĩa thực tiễn trước những tàn dư tư tưởng phong kiến còn biểu hiện trong nếp nghĩ, lối sống, cách nhìn xa lạ với sự nghiệp xây dựng CUỘC SỐNG MỚI, CON NGƯỜI MỚI ngày nay. Nhất là trong khi dân tộc ta, hơn lúc nào hết, phải luôn luôn cảnh giác, dốc sức đối phó với tham vọng “tung hoành vũ trụ” của thế lực bành trướng phương Bắc.

VŨ HOÀNG

TRUYỆN TRẠNG LỘN

TỰA ^[2])

Phàm các đấng có danh tiếng ở đời, nghìn thu bia miệng, muôn kiếp thơm danh, tất có một cái tài lạ để cho người ta đáng khen, đáng truyền. Cho nên, kẻ nọ nói với người kia, đời này truyền sang đời khác không bao giờ mất được. Các bậc trạng nước Nam như là cụ Mạc Đĩnh Chi ^[3] đỗ trạng hai nước, cụ Trạng Trình ^[4] biết việc về trước, thông minh rất mực, danh tiếng để đời, bút sử chép, miệng người truyền, vì tài giỏi mà được nên danh, học hành mà làm nên tiếng, cái lạ ấy ai ai cũng đã từng thấy.

Đến như truyện ông Trạng Lợn lại thực là quá, đỉnh ngộ không phải như cụ Mạc mà đối đáp không khác gì bậc thông minh: uyên thâm không phải như cụ Trình mà bói toán tựa như người tinh, góp nhặt rất những truyện của người mà thành ra cái tài của mình, thực là truyện lạ xưa nay có một. Các cụ truyền lại, người ta nhớ lại, song sóc ở miệng, văng vẳng ở tai, một câu gọi là trạng, hai câu gọi là trạng. Tôi dám chắc kẻ nói có người nghe, ai ai cũng phải lè lưỡi lắc đầu, cho là truyện lạ bậc nhất.

Tôi vẫn có ý dịch những truyện lạ nước ta, may lại gặp được người anh em có một quyển sách chép truyện ông Trạng Lợn tường lắm, nhân chép đặt ra được 19 hồi, vậy xin in ra để anh em bà con khi buồn nói làm cái sự vui cười một lúc.

MỘNG QUẾ THU HIÊN

Khải Định tháng chín năm Canh thân (1920)

HỘI THỨ NHẤT

Hội thái bình, thiên tinh hạ giáng, - Ứng mộng thụ thánh để ra đời

Xưa nay những bậc tài lạ ở đời ví cũng như phượng hoàng trong giống chim, kỳ lân trong giống thú, không mấy khi có mà người ta trông thấy. Cho nên thỉnh thoảng sinh ra thì người ta lấy làm lạ lùng, quý trọng lắm.

Đương đời vua Thái Tông hoàng đế nhà Lê^[5], tay cầm ấn ngọc, nước vững âu vàng, thực là một đời rất thái bình. Một hôm Tư thiên^[6] xem thiên văn thấy bên cạnh ngôi sao Tử vi, có một ngôi sao Thiên khôi rất to sáng, tàu rằng:

- Chúng tôi xem ngắm tượng trời, thấy hiện ra một vị khôi tinh bóng sáng lấp lánh vào ngôi Đế tòa^[7]. Chúng tôi suy xét: chắc là điềm trời giáng sinh dòng thánh nối dõi ngôi thần, sau này nhà vua tất sinh ra một vị thái bình thiên tử, xin nhà vua tế cáo trời đất, đón rước điềm phúc.

Vua nghe tàu mừng lắm, giáng chỉ lên núi Chùa Thầy^[8], lập đàn làm lễ kỳ đảo. Đêm hôm ấy, hoàng thượng cùng hoàng hậu và thứ hậu nằm ngủ trong chùa. Chừng đến nửa đêm, thứ hậu thấy một ông cụ già đầu râu, tóc bạc, một tay cầm một quyển vở, một tay bưng một hòm ấn, dắt thứ hậu đi đến một chỗ, vào qua đến tám chín lần cửa, rất những lầu vàng, cửa ngọc, coi khác chỗ cung cấm, lầu điện mình ở. Vào đến tầng cửa thứ chín, ông cụ già đi thẳng vào trong. Thứ hậu đứng bên ngoài ngó vào, thấy một vị đội mũ bình thiên kết ngũ sắc, mặc áo long bào, đính ngọc lưu ly, ngồi ngự giường thất bảo ở khoảng giữa, còn hai bên, các vị ngồi đông lắm. Chốc thấy ông cụ già ấy đến quỳ trước giường thất bảo, giở quyển vở tàu lên:

- Tàu rộng vua cha muôn tuổi, tiểu thần phụng chỉ soi xét về việc hạ giới, hiện thấy công đức nhà Lê lớn lắm, lộc vị thực là đáng hưởng lâu dài. Tàu xin giáng sinh thánh hiền, nối đời làm chúa cho được vững bền cái cơ nghiệp ấy.

Ngọc hoàng nghe tàu, phán xuống cho tả hữu bàn định. Tả hữu quỳ tàu:

- Rộng vua cha muôn năm, chúng tôi phụng xét công việc nhà Lê rất là

phiền kịch^[9], ngôi này trừ phi một tay rất tài cán không sao đương nổi. Hạ thần phụng xét trong ban chỉ có một vị Thiên khôi tinh^[10] quân là đương được thôi.

Ngọc hoàng nghe tâu gật đầu, lập tức giáng chỉ sai vị Thiên khôi giáng thế. Thiên khôi tinh quân nghe chỉ phán, có ý ngần ngại, vội vàng quỳ xuống tâu:

- Muôn tâu đức cha, chúng con xem triều Lê bây giờ đất hẹp việc nhiều, chúng con tài nhỏ, sợ gánh vác không nổi, đức cha dạy thế, chúng con không dám vâng chỉ.

Ngọc hoàng nghe có ý từ chối, dùng dằng nổi giận, sẵn quả ấn ngọc trên án, cầm ném vào trán, quát rằng:

- Người trái lời ta, thế thời người khinh ngôi ấy không đáng hay sao?

Khôi tinh phủ phục xuống án. Chưa kịp nói, một vị áo đỏ ngôi bên tả ban đứng dậy, tâu:

- Xin đức cha ngài bớt giận, cứ ý chúng tôi xét ra thời vị Thiên khôi không có ý trái lệnh, vì chỉ ngại nước nhỏ ít người giúp, cho nên sợ không dám phụng mệnh. Xin đức cha nghĩ lại.

Ngọc hoàng phán:

- Cứ như vị Nam tào tâu thế, thôi nên xét trong đồ bản gia phong cho hẳn. Và sai mấy vị tướng tinh cùng giáng xuống xuống để phù tá cho hẳn.

Nam tào tâu:

- Chúng tôi xét tướng tá thời bên tả ban xin cử hai vị Kinh dương. Thiên giải giúp về việc giao tiếp ứng đối. Bên hữu ban xin cử hai vị Đà la, Lực sĩ giúp về việc mở mang bờ cõi.

Ngọc hoàng chuẩn tâu, sắc sai chư vị tá tinh đồng thời giáng hạ. Vị thiên khôi và các vị tá tinh lễ tạ Ngọc hoàng, phụng sắc đầu thai. Rồi trở ra. Thứ hậu đứng nép bên cửa, trông trạng mạo vị nào vị ấy rõ ràng tất cả. Bỗng thấy tiếng kẹt cửa, tỉnh dậy hóa ra chiêm bao, kể đầu đuôi với hoàng thượng. Hoàng thượng lấy làm kinh dị lắm.

Năm ấy, quả nhiên thứ hậu có mang sinh ra một vị hoàng tử. Khi mới sinh, bóng sáng rực cung, hơi thơm nức điện, mãi mãi không tan. Trán có vết nom như miếng ấn, trông hệt như lúc mộng. Hoàng thượng mừng lắm, đại hội văn vũ bách quan ăn yến ba ngày, Ông Trạng lợn, ông Trạng Cờ, ông Trạng Vật, ông Trạng Ăn cũng ứng sinh cả về năm ấy. Sau đó có thơ khen rằng:

*Trời mở triều Lê vận thái bình
Vây nên dòng thánh, đôi thân sinh
Biển Nam phẳng lặng êm còn sóng
Muôn họ vui mừng gặp phúc tinh.*

HÒI THỨ HAI

Trông vị tinh, Tả Ao biết trước - Xử tử tể, địa lý trả ơn

Trước khi hoàng tử chưa sinh, tướng tinh chưa giáng, có một thầy phong thủy^[11] người về làng Tả Ao, trấn Nghệ An, đương đêm ngồi ngó lên trời, trông thấy các vì sao tụ hội về phương nam, sáng tỏ rời rợi, vỗ tay cười ầm lên. Người ngồi bên cạnh không hiểu là thế nào hỏi:

- Ngài có điều gì thích chí mà cười lắm thế?

Thầy phong thủy nói:

- Kỳ quá! Ta vừa trông lên trời, thấy các vì sao hiện về phân dã nước ta, bóng sáng vàng vạc. Kia như ngôi sao lớn nhất chính là một vị đế tinh, còn những các vì xung quanh đều là tá tinh cả. Sau hai mươi năm rồng mây gặp hội, cá nước phải duyên, làm nên một hội thịnh trị. Chì vì thấy một vị về bên tả ngôi đế tòa, trông ra không phải là hình tượng văn tinh mà chủ trương về việc văn, và tài ứng đối lanh lợi, vì thế cho nên thích mà cười. Chỉ trong một hai năm, các vị ấy giáng sinh xuống trần đầu thai mà thôi. Phen này ta quyết đi chu du thiên hạ, thử xem giáng sinh về phương nào.

Từ đó, ông ấy đeo la bàn đi chơi, nay đây mai đó, không đâu mà không đến. Một hôm đi qua Sơn Nam Thượng trấn, đến làng Mạnh Chư (tục gọi làng Dừa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam Ninh bây giờ) thấy vượng khí trong

làng phát lên đùn đùn, biết ở đây tất có một ngôi đất hay. Lặn vào xem, quả nhiên thấy một huyết: sơn cung, thủy triều, long bàn, hổ phục, đôi bên thần đồng phụ nhĩ, xung quanh cờ biển ứng vào, trước mặt đột lên con hỏa trôn như một con dao bầu, suốt từ phương Mão đến phương Tốn, thực là huyết kỳ dị^[12]. Bụng bảo dạ rằng: “Ngôi đất này chính là ngôi đất ứng sinh ra vị tá tinh đây hử! Thế mà chưa có nhà nào táng được là làm sao? Âu là ta vào trong làng xem ngôi đất này trời để cho nhà nào thời ta làm ơn táng giúp, thay quyền tạo hóa xem sao!” Nghĩ rồi đi, vai đeo túi tay chống gậy, làm ra dáng lù khù đi vào. Khi bấy giờ trời đã tối, vào đến đâu cũng không ai cho vào trọ. Tự nhiên gặp một người say rượu gập gù bảo rằng: “Thưa, cụ đi đâu mà tối thế? Không ai dám chứa cụ thời xin cụ về nhà cháu. Nhà cháu dù nghèo thực, nhưng cũng đủ thết cụ được dăm ba ngày. Xin cụ đừng ngại!”

Cụ thấy nói tử tế lắm, đi theo về nhà. Vào đến nơi, ông ấy bắt người nhà dọn chỗ nghỉ rồi làm rượu mời cụ xơi, bắt vợ con ra chào hỏi trọng hậu. Cụ nhắc trông người vợ có phúc tướng, mừng lắm, hỏi:

- Ông bà ở đây làm nghề gì?

Ông ấy đáp:

- Thưa cụ, nhà cháu nghèo lắm. Ở đây gần chợ nhà cháu thường làm nghề hàng thịt kiếm ăn

Cụ mừng thầm rằng: “Ai ngờ nhà hàng thịt mà có người phúc hậu như vậy. Hoặc giả vướng khí ở đây chung tú vào nhà này chăng? Hay là ta cứ ở đây xem.”

Sáng mai, cụ thức dậy đã thấy một mâm tiết canh lòng sốt sẵn đó để lên mời cụ xơi. Từ đây trở đi, cụ ở đến ba bốn tháng, sớm đi tối về. Vợ chồng hầu hạ cơm nước, bữa nào cũng như bữa nào, không hề thấy một lời nào tiếng nặng tiếng nhẹ, cứ một niềm chiêu đãi như vậy. Hoặc có khi cụ ốm, chồng thời chạy thầy chạy thuốc, vợ thời quét bản, giặt nhợ, dầu thế nào cũng không quản ngại chi cả. Cụ thấy thành tâm lắm mới bảo thực rằng:

- Nguyên tôi là một ông thầy địa lý đi qua đến đây, gặp ông bà thết đãi quá hậu, không biết lấy gì trả ơn được. Nhân tìm được một ngôi âm phần, thôi thì lão đãi để làm một cái lễ tạ.

Vợ chồng thấy nói mừng lắm, thụp xuống lạy, xin đem hài cốt ông thân phụ để cụ táng. Táng xong, cụ dặn lại rằng:

- Ngôi đất này mạch quý cực kỳ, ngày sau tất sinh Trạng. Cậu bắt tất phải học mà tài trí hơn người, ứng đối cực giỏi. Trong thời vua yêu, chúa dụng. Ra ngoài thời tùy cơ ứng đối. Sự nghiệp cực kỳ ngộ. Chỉ hiềm ông chưa được trông thấy.

Nói rồi từ đi. Vợ chồng ông ấy cố nèo thế nào cũng không chịu ở nữa. Từ đấy chân mây dấu hạc, đi trúc long, tầm hồ^[13] về phương nào không biết. Sau có thơ khen rằng:

*Tả Ao phong thủy nhất trên đời
Họa phúc cầm cân định chẳng sai
Mắt thánh trông xuyên ba thước đất
Tay thần xoay chuyển bốn phương trời
Chân đi long hồ luôn qua gối
Miệng gọi trâu dê ứng trả lời
Ai muốn cầu sao, cho được vậy
Ấy ai địa lý được như ngài?*

HỒI THỨ BA

**Cảm lòng thiện, thần hiện đầu thai
- Phát âm phần, dị nhân xuất thế**

Nói về nhà ông hàng thịt, từ khi cụ Tả táng mả cho, buôn bán làm ăn càng ngày càng phát tài hơn trước. Vợ chồng đều lấy làm mừng, lại càng tu nhân tích đức, đỡ kẻ nghèo, giúp người khó, không biết bao nhiêu mà kể. Một hôm, trời đã nhá tối, bà vợ đi ra giếng gánh nước tắm, tự nhiên thấy một ông sao từ trên trời sa vào trong thùng nước bóng sáng quáng lòa cả đôi mắt, trong bụng nửa mừng nửa sợ, lấy làm kinh dị lắm. Rồi gánh về, tắm từ bao giờ thời cảm động từ bấy giờ, rồi có mang. Bấy giờ chính là giữa năm nhà vua cũng sinh hoàng tử. Thế mới gọi là:

*Phượng đẻ, tất là cây trúc mọc.
Rồng bay, chắc có áng mây theo*

Các cụ nói chuyện lại: Ở đầu cổng làng ấy một con gò cao cao lớn, trên đỉnh có một hòn đá, trông xa tựa tựa như con dê đứng. Người trong làng có việc thường ra đó kêu khẩn, cầu được ước thấy cực linh ứng. Trước khi chưa sinh Trạng, ông hàng thịt thường đi sớm qua đây, hôm nào cũng thấy có tiếng đứa bé gọi mà bảo rằng:

- Thầy! Thầy đi chợ mua quà cho con với!

Ông ấy ngoảnh đi ngoảnh lại không thấy ai, trước còn cho làm thường không tin, đi chợ cũng không nhớ đến. Tối về lại thấy tiếng trách rằng:

- Con dặn, mà thầy chẳng mua cho chon!

Ông ấy làm lạ, nói chơi rằng:

- Ủ, có phải thế thì mai thầy mua cho!

Từ ngày hôm sau trở đi, hôm nào cũng mua quà. Đưa về đến đây, đã thấy một đứa bé đứng chực đón sẵn. Ông ấy đưa quà cho rồi thử dò xem đi đâu. Bao giờ cũng thấy (nó) đi đến cái gò ấy thôi mất. Ông ấy biết chắc là thần đồng ở con gò hiện hình ra, nhưng vẫn để bụng không nói cho ai biết. Chừng độ hai ba tháng, ông ấy mới lập cách bảo đứa bé rằng:

- Con có muốn ăn quà thời về nhà thầy cho, chứ ở đây thời thầy chẳng lấy đâu mà cho ăn được nữa.

Đứa bé đứng ngẩn ngơ một chốc rồi gật đầu mà nói rằng:

- Xin khất thầy mười lăm hôm.

Tối hôm sau, ông ấy về, không thấy (nó) ra đón, trong bụng thất kinh, lấy làm áy náy, bức tức quá. Cách mười lăm hôm, về qua đó, bỗng lại thấy tiếng gọi:

- Thầy đợi cho con về với!

Vừa ngoảnh lại đã thấy (nó) ở đằng sau rồi, mừng quá sức, hỏi rằng:

- Lâu nay sao đi đâu mà không thấy?

Đứa bé nói:

- Con đi hội họp chúng bạn đánh cờ, uống rượu, đánh vật ở bên Đông.

Ông ấy hỏi:

- Có muốn về với thầy thì phải làm nên chức tước gì thời thầy mới cho về.

Đứa bé đáp:

- Xin làm đến chức tổng trấn.

Ông ấy lại gặng rằng:

- Có làm được trạng thì thầy mới cho về.

Đứa bé gật đầu.

- Thế thời ở với thầy được bao lâu?

- Thầy cho con bao nhiêu lần quà thời con xin ở với thầy đúng bấy nhiêu năm.

Ông tính đưa quà cả thầy bảy mươi hai lần, gật đầu cho theo về. Về đến sân, trong nhà bà vợ vừa đẻ, ngoảnh lại thời không thấy đứa bé ấy nữa. Ông ấy mừng thầm, lại càng chắc lời nói ông thầy địa lý là nghiêm.

Từ đấy, con gò đầu làng không thấy được linh ứng như trước. Có người biết ra, bảo rằng tất là ông thần ở chỗ ấy đã giáng sinh vào nhà nào rồi. Sau thấy nói nhà ông ấy ngày ấy, tháng ấy sinh con trai, thường nói chuyện riêng với người ta rằng:

- Thôi thế thời ông thần ấy tất là thác sinh vào làm con nhà ấy rồi!

Đến lúc (cậu bé) lớn độ bốn, năm tuổi, bố mẹ thấy trạng mạo khôi ngô, ăn nói hoạt bát, lấy làm chung ái lắm, nhân đặt tên cho là Chung Nhi, động thấy đâu có hội hè, thường dắt cho đi xem. Năm bảy giờ, trong huyện ấy có ông Trạng nguyên, một ông Bảng nhỡn đổ về vinh quy. Tiếng đồn đại khắp cả làng huyện. Già trẻ náo nước dắt nhau đi xem như nước chảy. Vợ chồng ông hàng thịt bảo nhau rằng: “Chả mấy khi lại có ông Trạng, ông Bảng vinh quy, ta thử đi xem”. Bấy giờ cũng dắt con đi nữa.

HỒI THỨ TƯ

Lúc thuở trẻ, thỏ thẻ nức cười

- Xem vinh quy, lăm le muốn những ...

Hai ông bà đem con đi xem rước vinh quy. Con trông thấy có tàn quạt rợp trời, trống chiêng dậy đất, khoảng giữa có hai ông đội mũ cánh chuồn, mặc cân đai bồi tử, cưỡi ngựa, cờ biển dẫn trước, hầu hạ theo sau, thực uy nghi, thích lắm, hỏi rằng:

- Ông này là ông gì? Ông kia là ông gì?

Bố mẹ chỉ tay bảo:

- Ông này là ông Trạng. Ông kia là ông Bảng.

- Các ông ấy làm gì mà được thế?

- Các ông ấy học hay chữ, đi thi đỗ Trạng nguyên, Bảng nhãn thời được thế chứ sao!

- Trạng nguyên hơn hay là Bảng nhãn hơn?

- Trạng nguyên hơn.

- Thế thời sau này con cũng làm Trạng nguyên.

Bố mẹ bật cười mà bảo rằng:

- Thằng này dở hơi! Chưa đi học đã đòi làm trạng.

- Thế học bao lâu thời làm được trạng?

- Các ông ấy học nát xương, lồi da, ít ra cũng phải đến 15 năm, 20 năm, mới làm được Trạng nguyên, Bảng nhãn. Chứ mà tưởng dễ đấy hử?

- Thế thời lâu lắm. Con tưởng chỉ học mười lăm, hai mươi ngày thì làm được chứ mấy?

- Thằng này nói mới ngộ chứ! Có đâu mà dễ thế! Như trạng của nhà mà không bằng.

- Chẳng tin rồi con làm cho mà xem!

Từ đó chỉ yên chí hai chữ Trạng nguyên, dầu nói với ai cũng tự xưng là Trạng. Khi ra đường chơi với trẻ thường hay mua quà, mua bánh cho ăn, bắt chúng nó làm ngựa cho mình cưỡi, làm cờ biển, làm dù lọng y như rước vinh quy, rước về nhà gọi bố mẹ ra mà xem Trạng. Hôm ấy có một ông khác đương ngồi uống rượu với ông bố ở trong nhà, thấy thế lấy làm kỳ dị, nói bỡn

rằng:

- Trạng dở chứ không phải Trạng nguyên – có ý đổi chữ “dở” với chữ “nguyên” để chế Trạng là dở người.

Trạng dòm vào nói:

- Khách quen chả hóa ra khách lạ [\[14\]](#).

Ông khách thấy thế, bảo ông bố rằng:

- Cửa này là cửa đạo đê, chứ không phải cửa vừa.

Rồi khuyên ông ấy cho đi học.

Năm lên sáu tuổi, bà mẹ thấy bên láng giềng có một ông thầy dạy học, bảo với chồng cho con đi học. Vì nhà vốn là nhà hiếm chữ, trông thấy con người ta đi học mà thèm:

- Năm nay con đã lớn, sẵn bên kia có thầy đồ, ông đưa nó sang ăn mỳ thánh kiếm dăm ba chữ.

Trạng thấy nói học thầy đồ, hỏi mẹ:

- Thế thầy đồ lại hơn trạng ư?

Mẹ nói:

- Thằng này trẻ con thực! Nói mới dở chứ! Thầy đồ lại hơn thế nào được trạng.

- Thế thời thầy đồ lại kém trạng ư? Thôi Trạng chẳng học thầy đồ, Trạng học trạng kia!

- Nếu có muốn làm trạng thời phải học mới được. Chứ không học thì lại dốt như cha với anh.

Trạng thấy mẹ nói không học thời dốt, không làm được trạng, đứng tần ngần nín lặng một chốc rồi nói:

- Thế mai con xin đi.

Mai lại, bố sửa lễ đưa sang thầy đồ. Lễ thánh xong, bảo Trạng vào lễ. Trạng hỏi:

- Thánh là ai?

Thầy đồ nói:

- Thánh là đức thánh Không tử.

Trạng lại hỏi:

- Thế đức thánh có đỗ trạng không?

Thầy đồ nói:

- Nhất thánh rồi nhì đến trạng, chứ thánh chỉ đỗ trạng mà thôi à!

Trạng thấy nói thánh hơn trạng mới chịu lễ. Lễ xong bố bắt vào lễ thầy đồ, làm lễ thụ nghiệp. Trạng từ lúc thấy mẹ bảo thầy đồ không bằng trạng, vẫn yên chí tưởng thầy đồ kém mình, không chịu lễ. Thầy đồ thấy thế, bảo rằng:

- Học trò đi học phải “tiên học lễ nghi hậu học văn”^[15], chứ chả quen như ở nhà mà vô phép được đâu!

Ông bố nói:

- Thừa thầy, ấy cháu nó ở nhà chỉ quen đi chơi đùa với trẻ cả ngày mà thôi. Thực chưa biết một tí lễ phép nào cả ạ! Trăm sự nhờ thầy dạy bảo cho.

Ông thầy nói:

- Thừa được. Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn. Hễ già đòn thì phải vào khuôn phép cả.

Trạng ta nghe nói đến câu già đòn, có ý không bằng lòng, bảo rằng:

- Tưởng đi học để làm trạng, chứ đi học để thầy đánh thế, học làm gì?

Nói rồi đây đây đòi về.

HỒI THỨ NĂM

Học thời kém, nói lém thành thần

- Chữ không hay, lại xoay nghề cũ

Bấy giờ Trạng cố đòi về, không muốn học. Ông bố dỗ ngọt và bảo:

- Con cứ cố học cho siêng năng, ăn ở cho lễ phép thời thầy tất là phải yếu, cha mẹ cũng chiều, can gì mà phải đòn.

Trạng thấy bố nói êm tai, chùng đã có ý thuận, hỏi rằng:

- Thế thời học độ mấy ngày thì làm được trạng?

Bố chưa kịp nói, thầy đồ buồn cười, cho là tính trẻ con, mới nói bỡn:

- Cố học độ năm ba tuổi, nửa tháng, thời làm được trạng.

Trạng thấy nói vừa ý gật đầu, tùm tùm cười.

Thầy viết bài khai tâm đưa cho học, bảo là: “*Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng*” Trạng đọc chệch ra: “*Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng*”. Học đến năm bảy hôm, có tám chữ vẫn không thuộc. Hễ thầy bảo buông miệng lại học nhịu như trước. Bảo đi bảo lại cũng như vậy. Thầy đồ bực mình quá, nổi giận bắt nằm xuống để đánh. Trạng nằm ngửa mặt lên trời. Thầy hỏi:

- Sao không nằm sấp xuống mà lại nằm ngửa kèn càng như vậy?

Trạng đọc luôn ngay rằng:

- “*Thiên tích thông minh. Thánh phù công dụng*”.

Thầy đồ buồn cười quá, ném roi xuống không đánh nữa.

Tính Trạng hay mãi chơi. Ở nhà trường khi vắng mặt thầy, rủ trẻ làm cò làm tán, chiêm trống rước xách. Một ngày kia đang rước, thầy sùng sục ở ngoài về bắt được: đứa thời đang thổi sáo miệng; đứa thời cầm cò, cầm quạt; đứa thời vác tàn vác tán, rước xách rầm rĩ. Thấy thầy về, đứa nào đứa ấy đều tái mặt sợ hết vía, bỏ cả mà chạy. Chỉ còn Trạng vẫn đứng trơ ở đấy. Thầy bắt vào, hỏi Trạng sao học trò dám đùa nghịch như vậy? Trạng nói:

- Thưa thầy, chúng con *tập lễ nghi*.

Thầy thấy nói ráo hoảnh, lại cười mà tha.

Lại một hôm thầy đi chơi, giao Trạng giữ nhà. Có một ông khách đến chơi, vào đến sân, hỏi thầy đồ có nhà hay vắng? Trạng ở trong nói rằng:

- Thầy đi vắng. Chỉ có Trạng ở nhà thôi!

Ông khách dòm vào, chỉ thấy có một đứa bé ngồi đấy, không thấy ai nữa mới hỏi:

- Trạng đâu?

Trạng ứng ngay rằng:

- Trạng đây chứ Trạng đâu!

- Ô, Trạng đây ư? Trạng đã học đến đâu rồi?

- Học đến “trời, đất”.

- Trời là gì, đất là gì?

Trạng vỗ tay cười ồm lên rằng:

- Thôi ông này không đi học rồi! Chả biết trời, biết đất là gì! Trời là “thiên”, đất là “địa” mà không biết.

Ông khách nói:

- Thằng này trẻ con thực!

- Ông người lớn thời tôi đồ ông biết: Trên trời có gì? Dưới đất có gì?

- Trời có trăng sao, đất có sông núi chứ gì?

- Ông nói không phải. Trên trời có hai người, dưới đất có một người học trò.

- Ai bảo thế?

- Thánh bảo chứ ai bảo! Ông chưa học chữ “thiên”, chữ địa à? “Nhị nhân” là chữ “thiên”. “Sĩ dã” là chữ địa, chẳng phải là gì [\[16\]](#)?

- Ông khách thấy đáp giáo hoạt [\[17\]](#), lại hỏi rằng:

- Trên trời có hai người là những ai? Dưới đất có một người học trò là ai?

- Hai người là ông trời, bà trời. Một người học trò là tôi chứ ai!

Ông khách thấy nói, rợn tóc gáy lên, than rằng:

- Mình không bằng một đứa trẻ.

Nói chưa dứt lời, thầy đồ vừa về, ông khách đem kể lại. Thầy đồ nói:

- Thưa, nó là con nhà hàng thịt đấy ạ! Ô! Ai ngờ đất sỏi lại có chạch vàng. Bẩm nói thời ra đáng thông minh nhưng học thời một chữ bẻ đôi không biết.

- Không phải. Người ta đều có tài riêng như hoa mỗi mùi mỗi vẻ. Trông đứa này mặt mũi khôi ngô, biện bác linh lợi, sau này chắc lấy tài làm đại quý, không phải kém bậc chúng mình đâu.

Nói về ông bà hàng thịt, xưa nay nhà ít chữ nghĩa, vốn sẵn lòng mèn về việc học. Từ khi đưa con đi học, thấy con sớm tối đi về, ngâm nga bên tai, trong bụng lấy làm mừng vui lắm, đêm ngày chăm chút, khuyên dụ, có ý mong con cố học cho đến nơi đến chốn, để mai sau sáng khải ^[18] gia đình. Bỗng một hôm Trạng ở trường học về, trông mặt có ý tự đắc lắm, đem quyển sách Tam tự kinh khoe rằng:

- Thôi hôm nay con đã học hết sách rồi, nay mai xoay xỏa cho con đi thi.

- Thằng này nói lạ chứ! Chưa vỡ bầu cứt đã đòi bay bổng! Có muốn thì thời phải học cho hay chữ. Vừa mới vỡ lòng mấy hôm, chưa hết quyển Tam tự kinh đã đòi đi thi. Thì làm sao được!

- Thế sao thầy bảo: học năm bảy bữa thời làm được trạng?

- Thầy nói cho mày cố học đấy chứ. Trạng đâu lại có trạng trẻ con thế!

Trạng tuy nghe lời bố mẹ bảo, nhưng vẫn chắc mình học thế đã là đủ, trong bụng nhon nhon như là Trạng nguyên đã nắm sẵn trong tay rồi. Từ ngày mai trở đi, bố mẹ giục thế nào cũng không đi học nữa. Sau có thơ rằng:

Trạng đâu có trạng lạ lòng sao
Chửa học đòi thi, thế mới hào
Nhòm ông tưởng rằng trời cũng bé
Trông xa nào biết núi nào cao
Chim đang lông óng đòi bay bổng
Rồng mới sừng non chực nhảy nhào
Người bé, gan to là thế thế
Trạng đâu có trạng lạ lòng sao

Ông hàng thịt thấy con không chịu học, có ý bực tức trong bụng, mới thờ

dài mà than rằng: Thôi, không trách người ta bảo “giỏ nhà ai, quai nhà ấy” là phải. Mình đã dốt phải làm nghề hàng thịt. Cho con đi học để mà đổi nghề cũng không được. Ấu là ta thử bắt đi theo làm những việc đun bếp, gánh nước. Họa là nó có biết thức mà hỏi đầu, thời nhà mình đại hồng phúc. Từ đó, bố đi đâu bắt con đi đấy, sai làm việc khó nhọc. Bấy giờ Trang lên mười ba tuổi.

HỒI THỨ SÁU

Nói khôn ngoan, mà quan phải vị - Bực anh chị, phần chí ra đi

Từ khi Trang theo bố đi làm hàng,, phàm những sự làm ăn, pha phách, mua bán, chào mời, lời nói lái, việc bán hàng (đều) thành thuộc, tinh thông tất cả. Bố đi mua lợn chỗ nào cũng đem ông ấy đi khiêng.

Một hôm đến làng bên, thấy nói có ông quan trí sĩ bán lợn. Bố con cùng vào mua. Bấy giờ bà quan đi vắng. Chỉ có một mình ông quan ở nhà đương ngủ, thấy có tiếng người ở ngoài sân, trở dậy ra đứng cửa hỏi ai vào, có việc gì? Ông bố bẩm:

- Chúng tôi vào mua lợn.

Nguyên bấy giờ ông quan vừa mới ngủ dậy, còn đương mắt nhắm mắt mở, đầu tóc rũ rượi, đứng ngáp một cái, lấy tay dụi ngang mắt mà vuốt từ mặt xuống cằm, rẽ chòm râu ra làm đôi rồi búi tóc lại trở vào trong nhà nghỉ.

Trang ta đứng xa trông thấy thế, bảo bố rằng:

- Quan lớn bán rồi đấy!

Bố hỏi:

- Sao mà biết?

- Thế thầy không trông thấy ư? Quan lớn thấy ta hàng thịt, khinh không thèm nói. Ngài chỉ ra hiệu cho biết giá lợn là 18 quan, cho cứ vào chuồng mà bắt đấy!

Bố nghe lấy làm phải, xếp 18 quan tiền ra sân rồi vào chuồng bắt lợn. Bà quan ở đâu sừng sực về, thấy bắt lợn, hỏi:

- Ai bán lợn cho anh mà dám bắt?

- Bẩm, quan lớn bán.

- Quan lớn bán bao nhiêu?

- Bẩm, quan lớn truyền 18 quang. Chúng tôi xin nộp cả rồi ạ!

Bà lớn nghe nói, vội vàng chạy vào hỏi ông lớn:

- Sao lợn bằng từng ấy mà quan lớn bán có 18 quan?

- Không ai bán cho nó. Gọi vào để xem nào!

Trạng chưa vào đến nơi, quan lớn đã mắng:

- Sao lợn chưa bán mà mày cứ tự tiện bắt?

- Bẩm, chúng tôi thấy quan lớn bán thời mới dám bắt.

- Thế nào (mà) mày bảo tao bán?

- Bẩm chúng tôi thấy rõ ràng quan lớn lấy tay vuốt ngang mặt, vuốt xuống dưới, rồi rẽ râu ra làm đôi, rành rành là chữ “thập bát”; (十八) lấy tay cuốn tóc đi trở vào là: vào trong mà bắt. Chúng tôi tưởng quan lớn ra hiệu, cho nên mới dám bắt.

Ông quan thấy người biện bác giỏi, lấy làm kỳ lắm, bảo bà quan rằng:

- Tuy không bán cho nó thực, nhưng nó đã biết biện bác như thế cũng là một đứa giỏi, thời dẫu rẻ bao nhiêu cũng bán cho.

Bà quan yêu là người có tài, cũng bằng lòng bán. Sau có thơ khôi hài rằng:

*Ai rằng mười tám với đôi mươi
Biện bác vu vơ khéo nực cười
Không bán, tự nhiên mà mất lợn
Từ rày: vuốt mặt, rẽ râu, thôi!*

Sau hai năm, ông bố qua đời. Thương ôi! Thung già sương ám, gương tuyết bụi phong. Tay trồng hòe, hoa hòe chưa phát; mắt trông quế, hương quế chưa nồng. Hạc bỏ ... [\[19\]](#) hoa, còn ai thấy bóng; rồng bay hồ biếc thương kẻ

ôm cung.

Khi bấy giờ, nước mắt Trạng chứa chan, dầu tháo nước biển chảy cũng không xiết. Trong bụng Trạng sâu thẳm, dầu có núi trúc viết cũng không cùng. Thương nhớ đến nỗi bỏ cả buôn bán. Dần dà đến lúc xong tang vẫn cứ như vậy. Chỉ nay đi chơi chỗ này, mai đi chơi chỗ khác. Hết rước bọn khách nọ lại đến bọn khách kia. Thết đãi chè rượu, rông dài chơi bởi suốt ngày suốt tháng mà thôi.

Mẹ vốn là người hiền từ, thấy con khách khứa rộng rãi như vậy, trong bụng càng lấy làm mừng rỡ, quý hóa, mà không hề nói động chi đến. Anh ruột và chị dâu có ý không bằng lòng, thường có tiếng nặng, tiếng nhẹ. Trạng vẫn cứ tự nhiên, giả cách lạng thình mà thôi. Người anh thấy Trạng càng ngày càng quá, khuyên rằng:

- Cha mẹ sinh ra được hai anh em chúng ta, học hành đã chẳng nên gì, vẫn dốt vũ dốt. Bây giờ chả may mẹ góa con cô. Mẹ thời già mà chúng ta thời lớn. Chính là độ phải nên làm ăn chăm chỉ mà gìn giữ nghiệp nhà cho yên lòng mẹ mới là phải. Chứ mà em cứ nay che mai rượu, đua đàn đua đúm, rông dài chơi bởi mãi, anh tưởng người ăn núi lở, dầu có rừng tiền bể bạc cũng không chịu được. Anh sợ lỡ mai quá đổi nên mê, một ngày một hết, đến nỗi thất cơ lỡ vận, nhục đến tổ tông, cái nỗi bất hiếu bất mục ấy thời em tính để cho ai chịu?

Trạng nín lặng không nói. Chị dâu lại bảo Trạng:

- Chú! Chị nói cho chú nghe. Bây giờ cha đã quá cố đi, chú thời vợ con chưa có, nhẽ phải sửa sang cái mình để tính đường sau này, cho thỏa lòng mẹ già chứ. Thôi thời nghe chị theo anh mà buôn bán làm ăn. Đừng chơi bởi nữa mà hoài công cha mẹ, thiệt mất một đời thông minh đi!

Trạng ngật ngưỡng nói rằng:

- Em xin thưa anh chị chớ lo. Sau này em sẽ làm nên, thời vận vợ khối tiền. Mẹ và anh chị cũng được sung sướng, sợ gì?

Anh thấy Trạng nói khí ngông, gắt rằng:

- Chú có làm nên gì? Làm có một con dao bầu, cái dùi và cái xảo [20] cũng còn chưa nên nữa là làm gì?

- Anh tưởng em không làm được nổi trạng hay sao?

Chị cười rằng:

- Ủ, chú làm được nổi trạng thực. Chú (chưa) làm được trạng chữ, trạng nghĩa, chứ chả làm được nổi cái trạng rượu, trạng thịt hay sao?

- Anh chị đã nói thế, mai kia em làm cho anh chị biết tay!

Nói xong rồi đi, hình như bức tức lắm. Sớm ngày mai lại thấy về. Chị chào bốn rằng:

- Chú đã đi thi về rồi đấy ư? Ất đã đỗ trạng thời phải!

Trạng nghe nói, vuốt mồ hôi ra, đỏ mào sây mặt, tức lên đến cổ, không biết câu gì mà nói lại, vào trong nhà tắm tức bảo mẹ rằng:

- Lạy mẹ! Con là một người con trai, đã không báo ơn được cha mẹ, lại để cái lo cho anh chị thế, con lấy làm nhục lắm. Phen này con quyết xin đi, nếu có làm nên được gì thời con mới dám về. Không, thời không dám cho mẹ trông thấy mặt.

Nói xong rồi, gạt nước mắt mà đi.

HÒI THỨ BẢY

Gặp bầu bạn, được vạ câu hay

- Nói vu vợ, khù khờ mà trúng

Trạng từ khi (từ) giã mẹ với anh bước chân đi, trong bụng tức giận, ầm ứ, vẫn có ý muốn làm nên thế kia thế khác mới nghe. Chẳng qua là đất đã phát, cho nên nói cái gì trúng cái ấy, đi đến đâu gặp đến đấy.

Thoạt mới ra đến đường cái quan, gặp hai người, thầy nào tớ ấy, đi tử tế lắm. Trạng thấy đạo mạo, lại vái mà hỏi:

- Các ngài đi đâu mà thầy thầy tớ tớ như vậy?

- Chúng tớ trẩy Kinh thi. Thế thầy đi đâu?

- Thưa, tôi cũng trẩy Kinh.

- Có phải trẩy Kinh thì cùng đi một thể cho vui!

Bấy giờ trời đã hôm. Gặp một cái quán bán hàng, Trạng và hai người cùng vào trú. Nguyên cái hàng ấy xưa nay vẫn có những quân trộm chệt cướp những người đi đường. Đêm hôm ấy, thấy tở hai người kia đi đường mệt, ngủ say cả. Trạng cũng đương ngủ say, tự nhiên thét to lên rằng:

- Bắt lấy nó, trói lại, rồi đem chọc tiết đi!

Mấy người kia đều giật nảy mình dậy cả. Chú kẻ trộm đang nằm rình dưới gậm giường, tưởng rằng biết, vội vàng chui ra, lạy mãi Trạng mới tha. Đồ hành lý của hai người kia không suy suyền gì cả, (hai người) đến cảm tạ Trạng. Từ đấy kết thân, hễ Trạng trọ đâu thời hai người kia cũng trọ đấy.

Một hôm đi vào một làng tìm chỗ trọ. Vào đến cổng làng có ba chữ “Thủ chư Dự” nghĩa là “lấy ở quê Dữ”^[21], Trạng nghe nói “thủ chư” nghĩ “thủ trư” là sỏ lợn, bảo hai người rằng:

- Tối hôm nay ta được ăn thịt sỏ lợn.

Hai người kia tưởng là nói đùa chơi, cười rằng:

- Đi đường nhọc mà lại có người gia huệ thế, chả hả hay lắm ư?

Trạng nói:

- Chắc có!

Bất giác vào trọ trong nhà ông thủ chỉ, gặp ngày tế xuân, được cái sỏ lợn biếu, thấy khách trọ quả nhiên đem ra để thết. Hai người thấy thế, bảo Trạng rằng:

- Ô quái! Ông này có phép gì lạ mà biết trước hôm nay được ăn thịt sỏ lợn.

Trạng nói:

- Trạng chẳng biết trước thời ai biết trước!

Chiều hôm sau đi đến một làng, ba người cùng định vào trọ. Chợt đi qua cửa đình, Trạng thấy cái bia đề hai chữ “hạ mã” vội vàng trở ra, bảo hai người kia rằng:

- Đi tìm chỗ trọ khác! Chớ trọ ở đây mà khốn!

Hai người kia ngạc nhiên không biết thế nào, hỏi:

- Sao mà khôn?

Trạng quàng tay chỉ rằng:

- Bất yên! Bất yên!

Hai người nghĩ Trạng có tài biết trước, thấy bảo đi cũng đi. Vừa ra đến cánh đồng, quả nhiên ở trong làng phát hỏa, một chốc hóa ra tro cả. Hai người càng phục Trạng là giỏi. Nào có biết đâu Trạng nhằm hai chữ “hạ mã” ra hai chữ “bất yên”^[22]

Lại một hôm đi qua đường, thấy một cái chùa, am tháp thâm nghiêm, phong cảnh tĩnh mịch lắm, ba người rủ nhau vào chơi. Vào đến nơi, mặt trời vừa lặn, trăng vừa lên. Nhà sư đón vào, đưa đi xem tất cả rồi mời vào thiền phòng uống nước. Ba người mừng lắm, theo sư vào đến nơi, trông ra thấy: ngoài vườn thời đào liễu tốt tươi, dưới ao thời lá sen thấp thoáng, gió thoảng mùi hương, trăng soi bóng nước, mặt sen nghiêng ngửa, mây liễu phát phơ, coi như một cảnh Bồng Lai, Lãng Uyển^[23] vậy. Thú vị không biết bao nhiêu mà kể! Uống tàn ấm nước, thấy nhà sư cầm một quyển giấy bút ra, nói xin đề họa để ghi cái thú vui. Hai người vâng lĩnh giấy bút. Trạng cũng không từ chối, lập tức cầm bút, nghĩ bụng viết chữ “Thâm tình lập lá”^[24], bắt giắc chữ “lập” (立) chệch ra chữ “huyền” (玄), chữ “lá” (叀) chệch ra chữ “lý” (理), thế nào lại hóa ra “Thâm tình huyền lý”^[25], ý nghĩa hợp cảnh nhà sư. Nhà sư lấy làm thích lắm. Còn hai người kia, người thời đề bốn chữ “Phong nguyệt vô biên”, người thời đề một bài thơ:

*Bồng Lai nguyên bất viễn
Đảo thử định tiên duyên
Ngạn liễu thư mi thái
Trì liên trú bích tiên
Phong lai hương bất đoạn
Nguyệt án thủy thành viên
Trụ thử tri phi tiểu
Đăng lâm hoảng thị tiên*

Dịch Nôm:

Non Bồng nào phải đâu xa
Đến đây chắc hẳn cũng là tiền duyên
Phất phơ mây liễu ưa nhìn
Mặt sen như đúc khuôn tiền nở nang
Thanh thời di gió đưa hương
Lửng lơ chị nguyệt soi gương giữa dòng
Ở đây ai dễ độ cùng
Tới đây xem cảnh, trong lòng cũng tiên

Thảo xong, ngâm vịnh với nhau một đêm. Bất ý Trạng cũng thuộc lòng tất cả. Sớm mai, ba người cáo (từ) sư đi. Đến một chỗ có một cái trang, tùng cúc tốt tươi, trúc mai sầm uất, hoa đào đỏ thắm, hương quế thơm tho. Ba người cùng đứng lại nhìn xem. Đang mê mải vui, nhác thấy một người con gái, tuổi độ 18, 19, nhan sắc rất đẹp, đứng ở trong vườn hái hoa. Ba người tìm đường lén vào. Đến nơi, thời hái hoa trở gót chốn nào, dạo khắp trong vườn, không hề thấy bóng. Đứng tần ngần trông ngó, nhác thấy trong có cửa nhà, lầu gác thâm nghiêm. Muốn vào, nhưng thấy cổng kín tường cao, lại ngại đường đột. Một người đọc lên một câu rằng:

*Vị đáo ngự lâm phan quế thụ
Tiên ư xuân uyển khán đào hoa*

Một người tiếp một câu rằng:

*Tha thời ý cảm vịnh hồi mã
Kim ốc ưng tương trữ Tố Nga*

Dịch Nôm:

Chưa lên vườn ngự vịn cành quế
Trước tới vườn xuân ngó nhị đào
Cật ngựa nay mai lồng áo gấm
Quyết đem Ả Tố để nhà vàng ^[26].

Ngâm rồi trở ra đi. Được một quãng. Trạng nghĩ được một mẹo, trở tay tận đường xa mà bảo hai người rằng:

- Tôi nhớ ở trong làng kia có một người thân thích, muốn vào thăm qua.

Giá được các ngài cùng đi cho vui thời hay lắm, không biết các ngài có thuận chăng?

Hai người nói:

- Từ đây đến Kinh, đường còn xa, nhật kỳ gần tới, quá vui lỡ bước, sau nữa làm sao?

Trạng nói:

- Thôi, đã thế thời xin các ngài hãy trẩy trước. Một vài bữa tôi sẽ đến sau.

Hai người từ Trạng rồi đi.

HỒI THỨ TÁM

Trạng họ Bùi, trời sui đem đến - Duyên định trước, chẳng ước mà nên

Khi bấy giờ Trạng từ các người kia, lủi lại. Nguyên không phải là có ý hỏi thăm thân thích, chẳng qua là say mê, chết mê về cái vườn hoa ấy mà thôi. Trạng ta chỉ vắn vơ vào hàng nợ quán kia, lân la hỏi thăm kẻ này người khác, xem cái vườn hoa ấy của nhà ai? Có người bảo Trạng rằng: “Cái vườn ấy của quan tướng công họ Bùi để cho con gái ở đó. Ngài khi nào thông thả thường hay ra chơi mát ngắm cảnh”. Trạng nghe nói mừng lắm, lại xăm xăm trở lại, vào vườn trông ngó.

Bất kỳ, tướng công đang ngủ trưa, nằm giường (mơ) thấy có người gọi: “Tướng công dậy! Có Trạng rể mới lại chơi vườn”. Tướng công dậy lấy làm kỳ dị lắm, nghĩ bụng rằng: “Ta hà tăng có có người rể nào là trạng mà mơ lạ thế? Hay là ta thử ra chơi vườn xem sao?” (Liền) gọi người nhà sắp võng ra đi. Vào đến vườn, quả nhiên thấy Trạng đang thơ thẩn ngắm hoa, chơi cảnh. Nhác trông thấy (Trạng) mặt mũi khôi ngô, dung nghi thuần nhã, liền rủ lòng yêu, gọi lại hỏi:

- Nhà ngươi đi đâu mà lại đây?

Trạng thưa:

- Chúng tôi trẩy Kinh thi. Nhân qua đây, thấy vườn cảnh của Tướng công đẹp lắm, lăm mệnh vào xem. Không ngờ ngài bắt gặp, xin ngài thứ lỗi!

Tướng công nghe nói từ tốn lại càng thêm trọng, dắt tay đi dạo khắp vườn xem hoa. Rồi dẫn đến nhà Thủy đình, sai người nhà đặt rượu làm tiệc, cho gọi con gái ra mắt để chào hỏi tiếp đãi. Nguyên nhà Thủy đình ấy là của Tướng công làm ra để làm chỗ kén rể, đặt tên là Uyên Ương đình. Trong bày những cỗ thi, cỗ họa, đồ quý báu không biết bao nhiêu mà kể. Trước cửa, có cái hồ bán nguyệt, dưới hồ thả sen. Trên vườn thời đào, liễu, mẫu đơn. Ngày thường thì chỉ có Tướng công và con gái ra vào chơi mát mà thôi. Ngày hôm ấy, Tướng công nhân có mộng như vậy, cho nên mới dẫn Trạng vào ngắm cảnh, mở tiệc. Một là muốn thử tài Trạng. Hai là muốn biết ý con. Thật là một hội “thiên tải kỳ phùng”^[27]. Bấy giờ, câu thơ trong nguyệt, chén rượu dưới hoa, gió mát trăng trong, hoa thơm người đẹp, ngẩn ngơ trước mặt, sáng khoái trong lòng, vui sướng không biết thế nào mà kể! (Trạng) bất giác thích quá, tay chén, miệng ngâm, bao nhiêu thơ nhớ của hai người kia dong dóc đọc ra như là châu rơi, ngọc rụng tất cả. Tướng công nghĩ lấy làm thích, gật đầu nói: “Ừ, cái mộng ta cũng nghiệm thực. Quả nhiên được người rẻ hiền”. (Liền) sai con gái theo vắn ngâm họa. Người con gái vâng mệnh, cũng theo vắn ngâm rằng:

*Nhật ngộ thành tri kỷ
Tam sinh định hữu duyên
Trung thiên huyền ngọc kính
Thiện địa thác kim tiền
Liễu lục chi chi tiếp
Đào hồng đoá đoá viên
Thử thời phùng thử cảnh
Ứng thị tiểu thần tiên*

Dịch Nôm:

Một phen chi kỷ gặp người
Ba sinh chắc có duyên trời chi đây
Tròn tròn gương ngọc trên mây
Vùng kia có đất gieo cây kim tiền
Liễu kia lá tiếp cành liền
Hoa đào trước gió đua chen vẻ hồng
Thời này cảnh ấy song song

Ai ơi! Ấy khách non Bồng phải chăng

Tướng công nghe xong, biết con đã phải ý, nhân bảo Trạng rằng:

- Mỗ có chút gái yêu này cũng hơi có theo đòi bút nghiên. Tin ong sứ điệp, đi lại cũng nhiều, nhưng mỗ chưa lấy nơi nào làm vừa ý. Nay chẳng qua cũng do duyên trời đưa khách hiền lại, mỗ muốn gieo cầu, kết chỉ, để cho gái hèn được hầu bên chăn gối thời quý hóa lắm! Không biết khách hiền có chịu thuận không?

Trạng nghe nói trúng ý, sượng như mở cờ trong bụng, sẽ thưa rằng:

- Bẩm Tướng Công, chúng tôi tài hèn đức mọn, sợ chưa được xứng đáng.

Tướng công nói:

- Đứng nói khiêm quá! Tài ấy sắc ấy có gì mà chẳng xứng đáng?

Trạng nói:

- Đã vậy, ngài có lòng yêu, (tôi) có đâu dám trái. Nhưng khoa kỳ gần đến, xin để chúng tôi hãy đi, cố cướp một bông hoa vườn Ngự^[28] để cắm ở vườn này đã, rồi bấy giờ sẽ hay.

Tướng công cười rằng:

- Thế rồi tiểu đăng khoa rồi sẽ đại đăng khoa^[29] chả cũng hay ư?

Trạng nói:

- Ngài dạy thế thời cũng là một việc hay. Nhưng chúng tôi trên có mẹ già, nghĩ mình chữ danh chưa thành mà vội quyền luyện cầu thân như vậy sợ chưa phải nhẽ.

Người con gái nghe đến câu ấy, trong bụng lại càng phục lắm, thưa lên rằng:

- Kiêu lang nói thế cực là phải đạo. Thôi thời năm chờ tháng đợi, nào có xa gì? Chỉ mong chàng sớm bẻ quế cung mây, để cho thiếp được nương cây, núp bóng, thời thiếp lấy làm phỉ nguyên lắm lắm!

Canh khuya tàn cuộc, đưa Trạng vào thư phòng nghỉ. Cái thư phòng ấy nguyên là chỗ tập viết, xem sách của người con gái. Trên vách có một tờ

giấy, một bên đề ”Bát đao phân mễ phấn”, còn một bên đề không. Vì tên cô ta là Phấn, mà chữ “phấn” (粉), phải chấp chữ “phân” (分) vào chữ “mễ” (米) thời mới thành cho nên cô ta lại chia chữ “phấn” ra ba chữ: chữ “bát” (八), chữ “đao” (刀), chấp vào chữ “mễ” (米) đặt ra thành một vế đối, lấy nghĩa rằng “tám con dao chia một hạt gạo” để thử những người văn nhân tài tử, hễ ai đối được thời mới lấy. Đã lâu không ai đối được. Trạng vào đến đấy, khi rượu đang hăng hái trông thấy tờ giấy có chỗ lưu không, ngửa ghế cầm bút muốn viết. Trờì kia khiến vậy, thế nào lại ngoảnh ngay một chữ “Chung”, rõ thật to, là tên mình vào đó. Xong, quẳng bút xuống bàn, nằm vật ra ngủ. Cô ta qua cửa nhác thấy, tán ra thành năm chữ “Thiên lý trọng kim chung”^[30], lấy làm xúng ý lắm, bụng bảo dạ rằng: “Kiều lang thực là đáng tài khôi giáp”, (rồi) suốt đêm nằm không ngủ.

Sớm mai, uống nước đoạn, Trạng cáo xin đăng trình. Tướng công cũng không cưỡng, bảo con gái đem bạc ra làm lễ tiễn hành. Người con gái đem một thúng tiền bạc để tiễn và xin Trạng đề nốt cho xong vé cầu đối. Trạng nói:

- Thôi, tôi tưởng như thế cũng là đủ. Hà tất phải đề nốt gì nữa. Vả bây giờ người tuy ở đây, nhưng trí ở nơi khác. Nếu muốn đề nốt xin để thông thả sẽ hay.

Nói xong, lễ tạ Tướng công lĩnh đồ tiễn. lên đường. Sắp đứng dậy, cô ta lại đưa thêm lễ riêng của mình và một phong thư ra nữa để tiễn. Trong thư đại lược rằng:

*Bán nguyệt trì trung tương hội xư
Uyên Ương đình lý bả bôi thì
Nguyễn quân kiện sấn thanh vân bộ
Tảo thiếp hồi lai đan quế chi*

Dịch Nôm:

Đôi mặt một lời hồ bán nguyệt
Trăm năm hai chén gác uyên ương
Xin chàng bước tới đường vân bộ
Đề thiếp chờ tin đón quế hương.

Trạng được thơ lấy làm tôn trọng, từ giã ra đi.

HỒI THỨ CHÍN
Lạc vào miếu, may khéo đưa đường
- Gặp thầy tiên, dạy truyền phép bấu

Trạng từ khi ở nhà ông Bùi tướng công bước chân ra, trong bụng vui sướng như là lên núi Bồng Lai gặp tiên vậy. Đi đường, nghĩ ngợi lấy làm thích quá, cho nên đi quanh đi quẩn thành ra lạc vào một cái miếu, bốn bề vắng ngắt không thấy một ai. Trạng đứng trông ngó, mới thấy một ông cụ đầu râu tóc bạc, chống gậy thơ thần tự dưng xa đi đến, ngả nón đặt gậy dưới gốc cây ngồi nghỉ. Trạng đến trước mặt, chấp tay chào hỏi, tự nhiên ông cụ hỏi ngay Trạng rằng:

- Nhà ngươi thấy Kinh, sao quanh quẩn vào đây làm gì?

Trạng thấy hỏi, ngạc nhiên, đáp rằng:

- Lạ, sao cụ biết con đi Kinh?

- Thế mà lão biết.

- Thừa cụ, quả con thấy Kinh thực. Nhưng không phải đi đường này, thời cụ dạy đi đường nào?

Ông cụ tủm tỉm cười rằng:

- Ô đi thi! Nào lão thử xem trong bụng có chữ gì không mà cũng đi thi nào!

Rồi cầm gậy chọc vào bụng Trạng bảo:

Này chân lão mỏi lắm. Có muốn biết đường thấy Kinh, chịu khó bóp hộ lão, rồi lão bảo.

Trạng lom khom quỳ xuống bóp cho cụ, cụ vuốt râu nói:

- Ồ, anh này khá, bảo được.

Trạng thấy nói bảo được, hơi có ý không bằng lòng. Nhưng cũng cố chịu mà bóp. Ông cụ lại bảo rằng:

- Đây, có muốn làm trạng nguyên thời từ đây lên đến Kinh, công lão rồi

lão bảo.

Trạng bình nhật vẫn chăm chăm về chữ trạng, nghe thấy thế, nhẽ nào không muốn. (Liên) ghé vai vào cổng. Trong bụng tựa hồ có ý vui lắm. Chạy đi vùn vụt một mạch, bất giác một chốc thế nào đến ngay Kinh. Cụ cười bảo Trạng rằng:

- Khi ở trung đình Uyên Ương, hồ bán nguyệt nhà Bùi tướng công, sung sướng nhỉ?

Trạng nghe thấy thế, giật nảy mình lên, lập tức cúi đầu chấp tay sụp xuống lễ cụ mà nói rằng:

- Lay cụ cụ thực là một ông thánh, không có cái gì là không biết trước.

Cụ đáp:

- Lão bảo cho biết: Nhà ngươi là một vị thiên tinh giáng hạ. Người con gái ấy cũng là một vị thiên nữ giáng sinh. Chính là trời se để giúp nhà ngươi sau này đó. Nhưng mà duyên cầm sắt trong hai năm nữa mới hợp.

Trạng nói:

- Thừa lay cụ, cụ đã có tài biết trước, xin cụ dạy vận mệnh chúng con sau này thế nào?

Cụ bảo:

- Nhà ngươi tuy không phải lấy văn chương khoa mục mà làm được trạng nguyên, nhưng cái chức trạng nguyên chắc là làm được.

- Thế bao giờ thời vận mới đến?

- Hiện đương bây giờ tướng tinh nhà ngươi còn hãm, chưa được xuất sắc. Vả Hoàng thượng thánh thể không an, khoa thi này tất là hoãn. Sau này chắc có biến cố, ngày ấy tháng ấy cứ nhớ mà ra góc thành đằng đông, hễ thấy người nào như thế cứ cống mà chạy. Từ đó trở đi mới đại phát. Bây giờ thời vận chưa đến, lão hãy truyền khẩu cho mấy phép bói để làm một cái lối giao kết bè bạn, lừng lẫy danh tiếng, cho rộng rãi đường thi thố về sau.

Trạng mừng lắm, lễ xin chịu dạy. Ông cụ mới đem ngũ hành bát quái, tinh vị độ số, thập nhị thời thần thiên la địa sát^[31], lấy nhẽo mẹo thuật pháp nói

qua một lượt, dạy Trạng tính toán.

Trạng tuy không có mấy hột chữ, nhưng cũng thông minh về mặt ăn nói, nghe những mẹo tính, mẹo toán, mẹo đoán, mẹo nói của ông cụ truyền cho, nói đến đâu thời nhớ đến đấy, đều nhập tâm cả. Ông cụ thấy Trạng thông thái, (linh) hoạt, mừng lắm, bảo Trạng rằng:

- Thôi bây giờ bao nhiêu thuật pháp của lão, ngươi đã nuốt được tất cả vào trong bụng. Thế cũng đã đủ thi thố với đời đó. Lão để cho mấy chữ biên ở đây mà lập cửa hàng bói, để lão đi chơi nơi khác.

Trạng hỏi:

- Cụ đi bao giờ thời trở lại?

Cụ bảo:

- Lão đi vân du bốn phương, nay đây mai đó. Chưa biết bao giờ lại đây được.

Trạng nằn nì xin cụ ở lại, thế nào cụ cũng không ở. Khi sắp bước chân ra, lại quay lại dặn Trạng suốt từ đầu đến cuối: Năm ấy thế ấy, năm nọ thế nọ, việc này thế này, việc kia thế kia, phải nên nhớ kỹ. Và dặn sau nay tuy cũng có gặp lắm việc hiểm hóc bất thần, khắc có quý ngâm thần trợ cũng được tron suốt tất cả không ngại. Trạng sụp xuống đất, xin tên họ. Cụ cười mà không nói, ngâm vọng mấy câu rằng:

*Mình còn phải hỏi chi ta
Kiếp xưa âu đấy cũng là kiếp tiên
Ai ơi đã muốn biết tên
Mai sau hỏi bãi Tự Nhiên ấy là*

Ngâm xong, đứng dậy đi. Trạng tiễn ra cửa. Vừa vụt một chốc đã thấy khuất mây, khuất núi, không thấy bóng đâu nữa. Trạng than thở mà về.

Xét ra, ông cụ ấy là ông Chủ Đồng Tử hiện thân lên để dạy Trạng. Và ngẫm trong ý tứ câu ca, thời Trạng kiếp trước cũng đã hóa thân làm tiên, cho nên nói kiếp xưa cũng là kiếp tiên.

Mở hàng bói, tiếng nổi kinh thành

- Hô tính danh, lộ tình quân trộm

Trạng vốn là một người miệng lưỡi linh hoạt, tính bói quyết đoán. Lại từ khi ông cụ truyền cho thuật phép bói toán, trong bụng nhơn nhơn lại càng tự đắc lắm, nghĩ bụng rằng: “Ông cụ ấy thực là người thần thánh, điều trước đã biết mình bạch tất cả, điều sau chắc cũng không sai. Âu là ta theo lời ông cụ, mở cửa chiêu bài, một là để làm cái đất chờ hội phong vân, hai là để làm cái đường kiếm ăn sinh kế”. Lập tức chọn ngày treo mấy chữ biển của ông cụ ra. Treo cửa được cả hôm, hai người cùng đi với Trạng trước, đi qua đó, thấy biển nó mấy chữ “Chiêm cát vấn hung vô bất trắc, Hô danh toán mệnh khả tiên tri” nghĩa là: xem lành hỏi dữ, không gì không lường được; gọi tên tính số, biết trước được cả. (Họ) rủ nhau vào xem, bất giác gặp Trạng mừng rỡ nói rằng:

- Ô! Lại làm được nghề này để quét tiền của bà con thiên hạ đây ư? Không trách hôm nọ để cho ông sư mấy chữ “Thâm tình huyền lý” là phải lắm. Nào, thế thời hai chúng tôi năm nay ai nhất giáp, ai nhị giáp? ^[32]

Trạng cười rằng:

- Các ông năm nay chẳng ai nhất mà cũng chẳng ai nhị cả. Đến tôi cũng chẳng nhất nhị gì, nữa các ông.

Hai người ngạc nhiên hỏi:

- Sao thế?

Trạng nói:

- Tôi lên đây cũng định giật cái Trạng nguyên thực. Nhưng vừa mới bói một quẻ “Lục hào câu động”, xem ra thời khoa thi này tất hoãn.

Hai người hỏi:

- Sao thế?

Trạng nói:

- Không có đầu!

Hai người không hiểu nghĩa làm sao, mới hỏi lại Trạng. Trạng ghé vào tai

bảo rằng:

- Bề trên thánh thể không an.

Hai người bây giờ mới hiểu Trạng nói “không có đầu” ra là “quần long vô thủ”. Thì ra Trạng lằm ngằm lại nói trúng chữ quẻ Càn kinh Dịch. Thế mới biết, lúc hay nói chơi cũng trúng.

Hai người tuy nghe Trạng nói như vậy, nhưng bụng nửa tin, nửa ngờ. Nói chuyện với chúng bạn, ai cũng cho là nói láo, không tin. Cách mấy hôm (có) chỉ giáng niệm yết ở cửa nhà Quốc tử giám đình hoãn (thì). Học trò xúm cả lại xem, đều nói: Lão thầy bói nói thế mà đúng thật.

Từ đó, người nọ truyền cho người kia, tiếng đồn đại cả kinh kỳ, ai ai cũng khen hay lắm, đến tai cả các cung phủ. Quan Thượng thư bộ Binh họ Lê có con ngựa thiên lý vừa đẹp, vừa thuần, đi đâu vẫn thường cuỗi, lấy làm quý lắm, bất kỳ bị trộm lấy mất. (Ngài) sai người đi tìm mãi không thấy, tiếc quá, đứng ngồi không yên. Nhân thấy nói ngoài phố cửa Đông có người bói hay lắm, cho người ra xem. Vừa gieo quẻ, Trạng hỏi rằng: “Mất trộm phải không? Những thằng trộm, mình biết tên cả rồi. Nhưng quẻ này phải nhiều tiền mới được. Sáng mai đem tiền đến đây thôi (mình) bảo cho”

Người ấy trở về bẩm với ông quan, như thế như thế. Bất kỳ đến tai anh kẻ trộm. Nguyên thằng kẻ trộm vẫn nghe tiếng ông thầy bói gọi được cả tên, bây giờ lại nói như thế, sợ quá. Đêm (cậu) đến cửa nghe thấy Trạng lằm bằm đọc: “ nhân sở tự, mã ngư dương, thủ lục súc”^[33]. Vô phúc thế nào tên cậu (trộm) là thằng Sở, tên đứa chứa ngựa là thằng Lục. Cậu đứng ngoài nghe chữ được chữ chẳng, thấy những “lục”, “sở”, “tự” với “mã”, ngỡ là đọc tên mình ra, giật mình rợn gáy, vội vàng lách cửa chui vào. Chưa kịp nói, Trạng thấy động, trở dậy trông thấy, hét ngay lên rằng:

- A! Thằng kẻ trộm.

Anh kẻ trộm sụp xuống lạy lạy lạy để, kêu với Trạng thương cho. Trạng nói:

- Có thể nào, mày cứ nói cho thực thời ta mới thương được.

Chẳng qua là anh kẻ trộm đến lúc đốn, đem cả tên mình, tên đứa chứa ngựa, lấy ngày nào, để ở đâu, vanh vách kể sạch. Sớm hôm sau, quan Thượng

thư cho người ra đón vào, bảo Trạng rằng:

- Ta có mất con ngựa. Hễ người có biết tên đứa lấy và nó đẻ đâu, thời muốn lấy gì ta cũng cho.

Trạng cứ như lời thằng kẻ trộm, nói với ông quan cho người đi bắt đứa ấy, đứa nọ, đến tìm chỗ ấy, chỗ nọ thời thấy không sai. Ông quan cho đi bắt hai đứa, quả nhiên hai thằng cùng ăn trộm chứa ở nhà thằng Lục thực, ông mừng lắm thưởng 30 lạng bạc, khen là trạng bói. Từ đấy nức tiếng, thành tên Trạng Bói.

Trong cung Phò mã, có một đôi vòng ngọc quý lắm, của nước Thủy Xá^[34] đem tiến, đeo nó thời xuống nước không chìm, vào lửa không cháy, (đó là) của hoàng thượng ban cho công chúa làm đồ triều phục, vẫn để trong nội phủ rất nghiêm cẩn. Một hôm, công chúa sắp vào chầu, giở ra đã mất lúc nào không biết. Tra hỏi thị tì (thì) không ai dám vào đây, không biết lối nào mà truy tìm. Thấy người nói có Trạng Bói xem cho nhà quan Thượng thư mất ngựa và hô được cả tên đứa kẻ trộm, liền cho người ra triệu trạng vào, bảo Trạng gieo quẻ. Trạng gieo xong, bụng nghĩ ngay một mẹo, tâu chúa^[35] xin cho một cái gác rất tĩnh mịch để suy tính mười lăm buổi mới có thể ra được, vì quẻ này hiểm lắm. Chúa ư cho, sai người đưa Trạng lên một cái gác rất sạch sẽ, và cắt người hầu hạ cơm nước. Trạng nằm nghĩ quanh quẩn năm bảy ngày, vô kế khả thi. Chỉ duy có một kẻ đâm đầu xuống gác tự tận thôi. Quẩn quá, (Trạng) vỗ tay xuống giường lắm bầm rằng: “Hừ, rõ thực quýt làm cam chịu”. Bất kỳ thằng Cam thông nhau với thằng Quýt ăn trộm, trời kia khiến vậy, thế nào anh cu Cam vừa chui lên đến đây, nghe thấy nói, thần hồn nát thần tính, người run như cây sậy, sụp xuống vừa lạy vừa nói:

- Lạy ngài. Việc này quả thực tự thằng Quýt làm thực. Xin ngài cứu lấy mạng chúng con, chứ ngài cho cả con vào thời con chết mất.

Trạng bấy giờ mới nói khuếch rằng:

- Ủ! Thôi cũng phúc nhà mày. Mày biết thú thực với ông thời sống. Chứ ông là thánh đây! Giấu thế nào được! Muốn sống, thời biết nó lấy ngày nào, tháng nào, đẻ ở đâu, phải thú cho thực. Chẳng che được mắt thánh này đâu!

Cam ta thấy nói, vừa sợ, vừa bùi tai, lấy ngày nào, tháng nào, đẻ chỗ nào,

nói ra vanh vách tất cả. Trạng cứ thế râu chũa. Chũa sai bắt thẳg Quýt ra tra. Quả nhiên không sai một tí nào cả. Chũa thưởng cho Trạng tiền bạc, là lụa không biết bao nhiêu mà kể.

Từ đó, văn nhân tài tử nghe tiếng, đến cửa như họp chợ. Sau có thơ rằng:

*Khi nên trời cũng chiều
Được thể dễ nói phét
Lục, Sở nào ai hay
Quýt, Cam có ai biết
Không khảo tự nhiên xưng
Có gì kể ra hết
Vô phúc nhà chúng mày
Không có, Trạng cũng chết!*

HÒI THỨ MƯỜI MỘT
Trạng hiển hách, quý khách đầy nhà
- Bạn đồng canh, giao tình kết nghĩa.

Trạng bói được mấy quẻ minh bạch rạch ròi như thế, cho nên từ trong cung phủ cho đến ngoài thành phố đều khen là Quỷ Cốc^[36] phục sinh. Văn nhân, võ sĩ, kẻ xa người gần đua nhau đến như là nước chảy. Lắm người không biết mặt Trạng là thế nào.

Bấy giờ có một người họ Lê tức là trạng ăn – Lê Nại, một người họ Nguyễn tức là Trạng Cờ - Nguyễn Huyền, một người họ Vũ tức là Trạng Vật – Vũ Phong, đều là danh sĩ ở làng Mộ Trạch, trấn Hải Dương. Nhân đi thi đến Thăng Long, thấy nói Trạng có tài biết trước, cùng rủ nhau đến hỏi công danh sớm muộn. Trạng hỏi lượt tất cả thì các ông ấy cùng đồng niên^[37] với mình cả, cười mà bảo rằng:

- Trông các ngài trạng mạo như thế này còn lo gì chẳng có công danh còn phải bói với toán. Nhưng các quan anh đã biết vận số mà có bụng hỏi đến đàn em thì đàn em cũng phải xin nói. Bây giờ hãy xin các quan anh uống với đàn em một vài chén rượu, để tự tình cái nghĩa đồng niên đã.

Ba người ấy thấy Trạng có bụng hào phóng như vậy, đều bảo nhau xin kết

làm bạn nổi khổ, dẫu hoạn nạn sinh tử cũng phải có nhau. Đêm hôm ấy, bốn người uống rượu với nhau vui vẻ lắm. Tiệc xong, Trạng sẽ bảo riêng ba người rằng:

- Hiện bây giờ thánh thể mỗi một. Vả xuân thu lại cao, không lâu tất là tới kỳ rông ngự châu trời. Cà có cái biến cố lạ lắm. Trải qua hội ấy mới có ông thái bình thiên tử ra, thời may chúng ta mới có đường bay nhảy, dựng công lập nghiệp. Bây giờ giao long gặp mưa, cánh hồng thuận gió, tự nhiên công danh hiển hách, can gì phải số với toán.

Ba người hỏi:

- Quan anh đã có tài biết trước chắc hẳn không sai. Nhưng chưa biết lâu hay chóng, xin quan anh cho biết.

Trạng nói:

- Tôi xem số vận, tính cũng không lâu. Chỉ độ trong một hai năm, thời vận tất đến. Chỉ sợ không có tài mà thôi, chứ có tài thời ngại gì! Thôi, ta hãy nên gắng chí trau mài vàng ngọc, chờ đợi gió mây một chút. Em khá, chắc các bác cũng khá.

Rồi cùng trông nhau mà cười ồ lên cả. Từ đó bốn người chơi bời, giao kết với nhau thân lắm.

Hôm khác, đang ngồi với nhau, tự dưng ông Trạng họ Lê than thở mà nói rằng:

- Hình dung trạng mạo như thế này mà chỉ khỏe sức ăn thôi. Nay lần mai lửa, cót đầy cót voi, bao nhiêu cũng hết. Chẳng biết về sau có được nên cơm cháo gì hay không?

Trạng nói đùa và dỗ rằng:

- Ông này mới nghĩ quẩn chứ. Văn hay chữ tốt, lo gì không có người dùng. Thôi cứ yên trí trời cho ngày sau tôi có làm nên, hễ đi sứ thời tôi cử làm phó.

Ông Trạng họ Vũ ngồi bên tùm tùm cười hỏi rằng:

Ấy chứ như tôi bé nhỏ thế này, thời ông cất cho tôi làm gì?

Trạng lại nói đùa rằng:

- Tướng ông ngũ đoản, người văn dạng vũ. Hễ về sau tôi có làm quân sư thời tôi cử làm tiên phong.

Nói xong cười âm cả lên. Tự nhiên sực thấy Trạng Cờ vào báo rằng:

- Chết rồi, các ông không biết chuyện gì ư? Còn sượng cái gì mà cười lắm vậy!

Ông Trạng họ Vũ hỏi:

- Ở ngoài có việc gì lạ hản?

Trạng Cờ chưa kịp nói. Trạng bảo rằng:

- Thôi hản là việc ở trong nội đình chứ gì?

Trạng Cờ nói:

- Phải, vừa thấy tin trong nội đình nói rằng Hoàng thượng thắng hà, đương nghị lập vua mới. đảng nội đảng kia đang lung tung rầm rĩ cả lên.

Trạng nói:

- Từ đây trở đi mới lắm việc.

Trạng Cờ hỏi:

- Thế đã đến thời vận chúng mình chưa?

Trạng lắc đầu bảo rằng:

- Còn đương bừa bãi, rồi mới đến cơ hội chúng mình chứ đã đến cho đâu.

Quả nhiên về sau triều đình lập một ông vua bé mới có hai tuổi lên ngôi. Trong nội cung sinh nghi lẫn nhau. Thành ra thi cử phải hoãn.

HỘI THỨ MƯỜI HAI

**Gác Đông thành, dẫn mình cứu chúa
- Chùa Thánh Chúa, được chỗ yên thân.**

Khi bấy giờ vua mới tức vị được hai năm. Có thái tử cũ là Nghi Dân, nhân có tội mất ngôi, không được làm vua, kết âm với những người đồng đảng, đương đêm bắc thang trèo vào thành, đốt cháy cung điện. Vua chạy không

kip, mắc phải tay độc, bất hạnh gặp hại. Đêm hôm ấy Trạng đương ngồi, chợt nhớ lời ông cụ dặn trước, bảo anh em rằng: “Đêm nay tất có việc như thế, như thế”. Các ông kia ngơ ngẩn, chưa biết ra thế nào. Chùng độ hết canh ba, quả nhiên trong thành phát hỏa, đổ rực cả góc trời. Trạng vội vàng đứng dậy đi. Các ông kia cũng chạy theo sau. Vừa chợt đến góc thành đằng đông, thấy một vị mặc áo long bào màu xanh, chân đi giày văn hài màu trắng, chạy một mình đến đấy, kêu: “Cứu mạng! Cứu mạng!”.

Trạng nghe tiếng gọi, bụng bảo dạ “Ông cụ bảo ta, hẳn là người này!”. Lập tức thưa lên rằng: “Có tôi đây! Có tôi đây”, rồi chạy ngay đến, ghé vai công ông ta mà chạy. Vừa công vừa trông lại, thấy đằng sau mấy đứa đuôi gài đến. Đương lúc nguy cấp lắm, vừa gặp ông Trạng Ăn, ông Trạng Vật lấy đá ném chúng nó chạy tan nát cả. Trạng cũng chạy thoát. Được một quãng, lại gặp một bọn hơn mười người, giọng đuốc đương rong đi lấy của phường phố. Thấy Trạng công một người áo xanh (liền) reo to lên rằng: “Anh này chắc là trong nội đình ra chứ không sai”, (rồi) chạy xô lại toan cướp.

Hoàng đệ ngửa cổ lên trời, kêu lên rằng: “Thôi, thực chuyện này thì biến với lũ này chứ không thoát”. Trạng Vật nói:

- Xin bề trên ngài cứ vững. Tôi coi lũ ấy cũng như là lũ kiến vậy!

Nói chưa dứt lời, đã thấy thẳng thời võ đầu, thẳng thời xẻ chân, chạy tan nát cả. Trông ra có một người rất lực lưỡng, mạnh khỏe. Nhân thấy chúng nó hiếp tróc đàn bà, con gái, cướp bóc của cải, một mình cầm một cái côn sắt, gặp đứa này đánh đứa ấy. Chúng nó chống không nổi, bị người ấy đánh chết sạch cả. Hoàng đệ mừng lắm, bảo các ông ấy rằng:

- Giá không được các người cứu, thời mình như thịt, quăng vào miệng hùm rồi.

Và hỏi tên người lực sỹ ấy là gì thì không thấy ông ấy trả lời mà chạy. Trạng khuyên Hoàng đệ - đó là vị Khôi tinh cùng giáng sinh với Trạng (ông này gọi là Hoàng đệ) (vì) tuy nhiều tuổi hơn vua bấy giờ, nhưng là con bà Thứ Hậu, nên chưa được lập làm vua, đến khi Nghi Dân mưu phản, ông ấy sợ lây đến mình, phải chạy ra đổi áo cho chúng nó khỏi nhớ mặt, rồi cùng chạy lên chùa Thánh Chúa ở lẫn với tăng tiều.

Nghi Dân tiếm ngôi, chỉ tìm tôn thất đại thần chực giết. Bấy giờ có hai

ông quan đại thần cũ là Nguyễn Xí, Đinh Liệt, nghe Nghi Dân tàn bạo quá lắm, mộ quân khởi nghĩa, đánh đuổi Nghi Dân, giết hết những người đồng đảng. Họ muốn đón Hoàng đế để tôn làm vua, tâu Thứ hậu cho người đi tìm mãi không thấy. Mà Hoàng đế cũng còn nghi không dám ra.

Trạng bàn với các ông kia rằng: “Bây giờ binh hỏa tuy cũng tạm yên thực, nhưng bụng dạ ông Nguyễn Xí, Đinh Liệt hư thực như thế nào chưa biết. Ấu là ta hãy thử vào tâu Thứ hậu, xin đi tìm và nói với hai ông ấy xem ý tứ làm sao đã. Sau ta sẽ liệu. Các ông nghĩ thế nào?”. Các ông nọ đều lấy làm phải.

Trạng lưu ông Trạng họ Vũ và ông Trạng họ Nguyễn ở lại châu chực Hoàng đế, còn ông Trạng họ Lê thời cùng đi với mình vào thành. Sắp đi, Hoàng đế dặn với một câu rằng: “Các người có đi nên phải cẩn thận, tùy cơ mà làm. Công việc nếu thành, muốn gì ta cũng không tiếc.”

Trạng mừng lắm, đi ngay.

HỒI THỨ MƯỜI BA

Loạn đã định, vua thánh trị vì

- Chúa lên ngôi, bầy tôi lên trạng

Trạng đi vào đến thành, bảo ông Trạng họ Lê viết thư, tìm đến cung Thứ hậu, cậy Quan thị ^[38] dâng vào. Thứ hậu xem thư, thấy tên Dương Đình Chung, chợt nhớ ra, mừng lắm, hỏi Quan thị rằng: “Trước ta có nghe nói tên này bói hay lắm. Có phải không?”, Quan thị tâu “phải”. Thứ hậu giáng chỉ cho vào ra mắt để xem một quẻ ra làm sao. Quan thị dẫn Trạng vào quỳ xuống thềm. Thứ hậu vừa trông thấy mặt, tướng tựa tựa như đã trông thấy một lần, ngồi ngẩn một chốc mới nghĩ ra khi ở núi chùa Thầy nằm mộng. Bây giờ bà đương phiền về sự Hoàng đế chưa thấy, mà thấy người trong mộng, hai hàng nước mắt ràn rụa cả ra như nước chảy, vừa gạt nước mắt, Thứ hậu vừa bảo Nguyễn Xí, Đinh Liệt rằng:

- Ta nhớ khi theo tiên đế lên đặt chay chùa Sài Sơn, có nằm chiêm bao, thấy đức Ngọc hoàng cho một vị chủ tinh và mấy vị tướng tinh giáng thế, rồi về có mang mà sinh ra Hoàng đế. Trong mộng ta cũng có thấy một người mặt mũi như người này với lại hai ba người khác nữa. Bây giờ trông thấy người này mà Hoàng đế tìm đâu cũng chẳng thấy! Không biết giang sơn, cơ nghiệp

nhà Lê phó thác cho ai bây giờ được?

Nói xong lại òa lên khóc.

Hai ông quan đại thần thấy thế cũng không có thể cảm lòng được, bắt giã hai hàng nước mắt cũng chảy xuống ròng ròng như mưa, đứng dạy khuyên Thử hậu rằng:

- Chúng tôi thiết tưởng Hoàng đế đã là người nhà trời sai xuống, chắc thế nào tìm cũng phải thấy! Chỉ vì đương lúc loạn lạc, sợ hãi, hoặc có người đem chạy đi xa cho nên chậm thấy mà thôi. Tâu xin đức mẹ yên lòng, bề dưới cho người cố sức đi tìm.

Nói xong, bảo Trạng thử bói xem sao. Trạng nhân bảo hai ông quan rằng:

- Nếu được hai quan lớn có bụng thành tâm thời không phải bói nữa.

- Người bảo hai ta có bụng gì mà chả thành tâm?

Thử hậu cũng bảo:

- Hai vị tướng quân chính thực hết lòng vì nước. Có thể nào, người cứ nói!

Trạng xem ý hai người đều thực cả mới ngỏ tâu với Thử hậu rằng:

- Muôn tâu Thánh mẫu, khi chưa có việc này, chúng tôi đã biết điện hạ tất có mắc nạn. Cho nên bấy giờ chúng tôi đã nghênh tiếp được ngài chạy qua khỏi ngoài vòng binh hỏa và đưa đi đến một chỗ yên ổn. Nhờ xã tắc, tôn miếu, được chu toàn cả.

Thử hậu nghe nói như sự chiêm bao mới tỉnh, vội hỏi:

- Hiện bây giờ ở đâu? Có phải như thế thời phúc đức nhà Lê hãy còn thịnh.

Trạng nói suốt đầu đuôi, từ khi gặp Hoàng đế ở chỗ nào, cõng chạy như thế nào và đem để ở chỗ nào, tâu cho Thử hậu nghe. Thử hậu than rằng: “Thực là một vị tá tinh cực trung nghĩa”, lập tức sai Nguyễn Xí, Đinh Liệt theo Trạng đến chùa đón về, chọn ngày lập đàn, thảo chiếu làm lễ tức vị, đặt tên là Thánh tông hoàng đế. Vua hỏi thành, dâng bảo [\[39\]](#) xong, nhớ những kẻ có công, giáng chỉ nghị bàn phong tặng. Phong cho Trạng chức gì. Trạng

cũng không nhận, chỉ tâu rằng:

- Bề dưới hèn hạ, không dám chịu những chức ấy.

Vua phán:

- Trẫm nhờ phúc tổ tông mới được như thế này. Cũng thực bởi có người cố sức cứu giúp, không thì còn đâu đến giờ mà được vua vua, tôi tôi. Có lẽ đâu vua an hưởng phú quý mà tôi lại không được cùng hưởng lộc trời.

Trạng tâu:

- Muôn tâu, Thánh thượng đã rộng lòng thương, tiểu thần không dám cầu gì ngôi cao, chức trọng. Chỉ xin nhà vua ban cho hai chữ Trạng nguyên để lấy tiếng. Thế cũng là đủ phỉ chí một đời.

Vua nghe bằng lòng, lập tức giáng chỉ phong cho là Trạng. Từ đó ra vào châu chực, thường được gọi là Trạng. Có người tâu với vua rằng:

- Trạng nguyên là để đãi những người khôi giáp. Quan tước là để đãi những người có công. Lẽ đâu không đỗ mà gọi là trạng được?

Vua không nói gì cả.

Một hôm vua ngự lên chơi chùa mình đã ẩn trước, để ngắm cảnh và thưởng cho tăng tiều. Nhân lên gác chuông, thấy cái chuông to và nặng lắm mới đọc một câu rằng: “Thiên lý trọng kim chung”^[40], rồi ngảnh lại hỏi các quan đối với gì hay? Các quan chưa ai kịp nghĩ, Trạng nhân nhớ câu “Bát đao phân mễ phần”, đọc ngay lên. Các quan người nào người ấy đều ngẩn ra cả. Vua vỗ đùi khen hay, sẽ hỏi các quan rằng:

- Như câu đối ấy đã đáng Trạng chưa?

Các quan đều chịu là hay cả. Vừa vào chùa ban thưởng cho tăng tiều xong, nói chuyện lại với quan rằng:

- Trẫm trước thoát khỏi hoạn nạn bởi ở chùa này. Bây giờ trẫm muốn tu bổ, đặt tên chùa lại, để ghi tích về sau, chưa biết đặt tên thế nào là phải?

Trạng lại tâu ngay rằng:

- Muôn tâu thánh thượng, xin đặt là chùa Thánh Chúa.

Vua nghe lấy làm bằng lòng lắm, khen rằng:

- Ủ, thế thì Trạng thực!

Về triều lập tức ngự thư^[41] ba chữ “Chân Trạng Nguyên”^[42], cho về vinh quy.

HÒI THỨ MƯỜI BỐN Về vinh quy, kết ngãi thực nữ - Phụng chiếu chỉ, vội tới kinh thành

Trạng phụng sắc vào ngọc bệ bái mệnh, lĩnh cờ biển áo mũ xong, vua chỉ phán cho Trạng ra vườn Ngự xem hoa, thị yến rồi trở ra bái yết các điện đài, cung phủ. Trạng đi bái yết tất cả. Có một ông quan Thái sư thượng trụ họ Dương, trên vua yêu dùng, thân thể đương mạnh, có một người con gái. Nhân thấy Trạng chưa có vợ, muốn gả con gái cho để thêm cứng vây cánh, sai người bảo Trạng rằng:

- Thái sư thấy Ngài thiếu niên tuấn tú, có lòng yêu mến, quý trọng lắm. Nhân có một người con gái tên là Hương Nương, tuổi trẻ, đủ cả tài sắc. Nay muốn Ngài làm đông sàng quý khách^[43] thêm vẻ gia môn, thời Thái sư lấy làm quý hóa lắm.

Trạng vốn nghe Thái sư là người gian xảo, bụng vẫn ghét sẵn, làm điều nói khiêm tốn rằng:

- Cửa Thái sư là cửa quyền quý. Chúng tôi là bậc ti tiện. Có lẽ đâu cú lại dám đậu với phượng hoàng, tiên lại thêm sánh với kẻ tục bao giờ? Xin ngài về nói từ hộ.

Người ấy lại nói:

- Không phải thế. Nếu Thái sư có quản kẻ sang người hèn thời Ngài đã chả bảo tôi lại đây. Xin Ngài cứ nhận, trước vu quy rồi sau sẽ vinh quy, như gắm thêm hoa, lại được là quý tể quan Thái sư nhất triều, dư thần dư thế, chả hóa hay thêm ra ư?

Trạng nói:

- Được vậy, thế thời cũng hay thực. Nhưng tôi thiết tưởng, Thái sư là họ Dương, tôi cũng là họ Dương. Ngài dạy như thế chúng tôi sợ tai mắt thiên hạ quan chiêm, tránh sao làm cho khỏi người ta chê cười phỉ nhổ được. Vả, tôi cũng đã có nơi nguyện ước từ lúc tám tám, có đâu lại dám phụ tình. Đa tạ Thái sư, quyết không dám nhận.

Người mới thấy Trạng khẳng khăng một mực như vậy về nói với Thái sư. Thái sư cười lại nói rằng: “A! Thằng này dám vô lễ với ta”, trong bụng căm lắm, từ đó đêm ngày chỉ tìm kế hại Trạng.

Nói về khi Trạng vinh quy, quản gia xe ngựa đi qua đến trang Bùi tướng công. Tướng công được tin mừng lắm, cùng với con gái là Bùi Phần Khanh ra nghênh tiếp, đón Trạng vào trang nghỉ ngơi. Trạng xuống ngựa vào trang, cầm tay Phần Khanh cười mà bảo rằng:

- Nàng tính thế này đã được thỏa chưa? Ừ, người ta hay nói: Có chí làm quan, có gan làm giàu. Có làm nên được bằng rồng tên hổ như thế này, rồi chẵn loan gồi phượng mới thích! Chứ say hoa đắm nguyệt, chỉ quyền luyện về mặt tài sắc, còn ai gọi là người anh hùng.

Phần Khanh cúi đầu cười nụ, sẽ ngâm rằng:

*Tạc nhật sổ ngôn tương biệt xứ
Tiền trình vạn lý dĩ tiên tri*

Nói ý là lúc đưa chàng đi, tôi cũng đã biết trước ắt được như thế.

Bùi tướng công muốn lưu Trạng nghỉ ở trang một tối làm lễ hoàn hôn [44] để Phần Khanh cùng về bái tổ. Trạng xin về bái tổ đã rồi chọn ngày hoàn hôn sau. Bùi tướng công y lời. Ngày hôm ấy cũng cho Phần Khanh cùng về vinh quy.

Trạng về đến nhà, bái tổ xong, đem Phần Khanh lạy mẹ xin làm lễ hoàn hôn. Mẹ mừng lắm, nói với họ hàng rằng:

- Ừ, Chung Nhi từ bé đã có chí lớn. Không trách quả nhiên bây giờ làm được thực.

Bây giờ anh ruột và chị dâu cùng ngồi cả đó, Trạng cười mà nói rằng:

- Nào, trước anh chị bảo em làm trạng rượu, trạng thịt! Bây giờ anh chị

xem em có làm được Trạng không nào?

Họ hàng làng nước đều khen Trạng là người có chí. Không trách người ta hay nói: Cha mẹ hiền lành để đức cho con là phải lắm.

Được ít lâu, Trạng từ mẹ và anh em họ hàng lên trang ông Bùi công chơi, rồi tiện đường tiến Kinh một thể. Đến nơi, vừa đang mở tiệc hát xướng vui vẻ, bỗng thấy công văn chạy đến nói có chiếu chỉ triệu Trạng, lập tức phải tiến Kinh hầu chỉ. Bấy giờ Bùi tướng công nhân trước trái ý Dương Thái sư, cáo về trí sĩ đã lâu, cũng có sắc lên tiến triều.

HỘI THỨ MƯỜI LĂM **Báo thù tư, Thái sư mưu hại - Dùng trí thuật, Trạng Vật khoe hùng**

Nói về vua Thánh tông hoàng đế vừa mới lên ngôi, có hai chúa động nước ngoài ^[45] nhân lúc nước ta nội loạn vừa yên, biên phòng chưa định, thừa cơ rủ nhau vào quấy hai xứ Nghệ An, Thuận Hóa. Thế giặc dữ tợn, Quan tổng trấn hai xứ ấy trấn ngự không nổi, dâng biểu cáo cấp, ngày năm bảy lượt. Triều đình lo sợ lắm, biểu tâu xin tụ tập văn võ kén chọn mưu thần, dùng tướng đề binh tiến讨. Vua giáng chỉ cho triều đình bàn chọn tiến cử người đánh giặc.

Thái sư trước khi cùng với Bùi tướng công có hiềm khích. Bấy giờ lại nghe thấy gả con cho Trạng, cho nên thù cả bố vợ lẫn con rể. Căm tức quá, chưa gặp cơ hội nào báo thù được, nhân dịp này có giặc, nghĩ bụng muốn báo thù cho thỏa. Lập tức họp với triều thần phiên tấu:

- Nghệ - Hóa là hai xứ biên cương cực nam, giặc cướp ra vào, rất là xung yếu. Dù muốn dụng binh chinh讨, phi bậc nguyên lão không xong. Duy có Bùi tướng công, lão thành tướng cũ am hiểu quân vụ, biết việc biên cương, tán rộng Thánh hoàng, ban cho tiết chế.

Vua chuẩn tâu, lập tức giáng chỉ, sắc sai Bùi công làm kinh lược Nghệ - Hóa. Bùi tướng công đến Kinh bảo Trạng rằng:

- Thái sư biểu tâu ta như vậy, thực là không phải có bụng gì tốt. Chẳng qua chỉ muốn hãm ta vào chốn tử địa đó thôi. Trạng tính sao?

Trạng thưa:

- Chúng tôi cũng hiểu ý. Nhưng không lo! Chúng tôi tự nhiên có mẹo, chắc là đánh được tan giặc.

Hôm sau vào chầu. Hoàng đế thăng triều, gọi Bùi công vào ban cho cờ kiểm khâm sai và phán rằng:

- Hai động vô lễ, dám chống với ta, quấy nhiễu ngoài cõi. Nay trẫm cử người làm kinh lược hai xứ Nghệ - Hóa. Phàm việc tiết chế giao cả cho người. Tướng sĩ trái lời, có cờ kiểm đó.

Thái sư lại tâu xin cử Trạng đi tham tán quân sự, vua cũng chuẩn tâu.

Hai người bái mệnh lui chầu. Trạng về đặt tiệc, tụ tập bè bạn, thủ túc. Cho ông Trạng Vật làm tiên đạo tiên phong. Còn ông Trạng Ăn, ông Trạng Cờ đều làm tùy quân tham mưu. Hôm sau Bùi công cùng với Trạng ra trường võ, cất đặt tướng tá, luyện tập quân sĩ. Hoàng đế ngự giá ra trường võ xem. Trạng dâng tâu danh sách các vị tướng tá, người nào người ấy, các việc phân minh tất cả, đều ra bái mệnh lĩnh chức. Vua thấy quân dung mạnh mẽ nghiêm chỉnh, mừng lắm. Một chốc thấy một người võ sĩ rất cao lớn, khỏe mạnh, nguyên là một người Hồ bôn thị vệ, vua yêu lắm, thường cho ra vào chầu chực cung cấm. Thấy Trạng Vật hình thù thấp bé, được làm tiên phong, lấy làm khinh rẻ lắm, tâu vua rằng:

- Tiên phong sức vóc như thế, đánh thế nào được giặc? Muôn tâu Thánh thượng cho hạ thần lĩnh ấn tiên phong để ra sức lập công, báo ơn Thánh chúa.

Các quan cũng nhiều người nói: Triều đình thiếu gì người võ sĩ mà lại dùng người sức vóc như thế làm tiên phong?

Trạng Vật nghe tiếng tức lắm, muốn ra xin đấu võ.

Trạng nói chọc tức rằng:

- Anh sức vóc như thế lại muốn đấu võ với người to lớn như vậy? Ấy có khác gì châu chấu đá voi, đá thế nào nổi được?

Trạng Vật hăm hè nói rằng:

- À, quan anh lại tăng bốc người ta lên, vui đập anh em nhà mình đi như thế! Vì nó chưa gặp tay giỏi cho nên mới nói khoác. Chứ gặp tay em thì nó

nói giỏi thế nào được? Xin quan anh để em làm một miếng cho nó xem. Trạng nói:

- Có phải như thế thì nên khéo. Nó lấy sức thì mình lấy mẹo mới được.

Trạng Vật gặt đầu, vội xin vua ra đầu võ. Vua y tâu, nhưng phán: “Chỉ cho đầu sức chứ không được đầu gươm giáo”. Khi vào đầu, Trạng Vật thấp bé, dùng miếng nằm bò. Người võ sĩ giở miếng không kịp, bị Trạng Vật xông vào đâm một cái, ngã đồng kênh ra. Tả hữu đều reo ầm lên cả. Vua khen giỏi, lập tức phong cho là Giao diệt Trạng nguyên^[46] lĩnh ấn tiên phong, cho đi tiền đạo.

Ngày hôm sau, Bùi khâm sai cùng với Trạng cất quân từ cửa Đoan Môn tiến đi. Vua thân ngự ra tiễn tống, thấy đội ngũ nghiêm trang, quân dung hùng tráng, trong bụng lấy làm mừng lắm, gọi Trạng vào bảo rằng:

- Trạng đi phen này sông núi gian nan, tuyết sương vất vả. Trẫm không muốn xa người lúc nào. Nhưng làm trai chí ở bốn phương, dầu trời Nam biển Bắc cũng là công việc của mình cả. Mau mau ra công gắng sức giúp nước yên dân, báo tiệp dâng công, trẫm sắp sẵn đồ phong thưởng.

Trạng lạy tạ mà đi.

HÒI THỨ MƯỜI SÁU

Bình hai động, công lao hiển hách

- Dâng công trạng, Thánh thượng bao phong

Nói về khi Trạng sắp cất quân, Phấn Khanh cũng xin tòng quân. Trạng muốn lưu lại ở nhà phụng dưỡng mẹ, bảo Phấn Khanh rằng:

- Tên lá cung dâu, đông tây nam bắc, ấy là phận sự của người đàn ông. Mũi tên hòn đạn, mây nắng gió sương, không phải là phận sự đàn bà. Như nàng yếu đuối, trèo đèo lội suối thế nào được? Không bằng ở lại mà phụng dưỡng mẹ già thay tôi.

Phấn Khanh cố nhất định xin đi và nói:

- Phụng dưỡng mẹ già chính là việc hiếu đạo. Nhưng theo chồng ở chốn gian hiểm cũng là cái phận đàn bà. Phương chi bây giờ lại một chồng một cha

đều đi vào chỗ chinh chiến, xa xôi khó nhọc. Nếu thiếp đêm ngày không được gần gũi thì bụng thiếp yên thế nào được?

Trạng thấy nói khảng khái lắm, bằng lòng cho đi.

Quân tới Nghệ An, đóng doanh xong. Bùi tướng công tụ tập tướng sĩ hiệu lệnh. Phàm những phương lược, mưu mẹo đánh chác, giao cả cho Trạng định liệu. Trạng tuân lệnh, sai người đi thám thính tình hình, dò xét địa thế. Người đi thám về bẩm:

- Quân giặc đóng từ Bồ Chính, Quy Hóa trở vào, đưa voi đi quấy, thổ dân hãi lắm.

Rồi dâng trình địa đồ, Trạng xem thấy rừng núi, khe suối hiểm hóc lắm, lại bảo Trạng Vật rằng:

- Đường đất hiểm hóc như thế này, quan bác tính thế nào?

Trạng Vật nói:

- Làm trai đã đi đến chỗ chiến trường, lập công danh, thấy hiểm trở khó nhọc mà sợ, thế ai còn gọi là người anh hùng nữa. Em xin đi, chỉ mang một cái thùng, trói cả chúa nó về, để nộp cửa doanh cho quan anh xem.

Trạng nói:

- Đi thời đi, nhưng phải cẩn thận. Vì quân mình còn lạ thung thỏ, khó đánh được nó. Ngài hãy đem ba trăm tinh binh đi trước, tôi xin tiếp ứng sau.

Trạng Vật đem quân đi xong, Trạng lại truyền mấy tướng với Trạng Ân đem năm trăm quân tiếp ứng.

Trạng Vật đem quân đi, gặp rừng mở lối, gặp suối bắc cầu, đi đến đâu thời quân giặc lũ nào lũ ấy đều chạy tất cả, giông quân đuổi từ sáng đến trưa cũng không thấy bọn nào đứng lại đánh, tưởng là nó sợ không dám đánh. Mặt trời xế ngọ, Trạng Vật truyền làm cơm ăn. Có người báo quân giặc đã đến, Trạng Vật vội vàng khoác áo chiến, vác siêu lên ngựa, ra trông đã thấy nó vây cả bốn bề, đặc như kiến cỏ, tiếng cung bắn ào ào như gió, tiếng súng phát rào rào như mưa, thúc voi xông vào, từng đàn từng lũ, gầm thét như hùm beo. Thế giặc hung dữ quá! Quân ngoài Bắc xưa nay không quen ra trận bằng voi, vừa thoát thấy nó thúc voi xông vào, trong bụng đã sợ, hai mắt đỏ đờn làm

một, chạy nháo nhác cả, không dám đứng đánh. Trạng Vật cầm gươm chém mất ba bốn người, mới cản lại được. Nhưng quân vừa sợ vừa đói, không có bụng nào đánh, chống được một thời một kia (giặc) lại xông đến. Trạng Vật xông vào đảng này, tiến ra đảng kia cũng không phá vỡ vây. Đang lúc nguy cấp, bỗng thấy quân giặc về phía đông bắc chạy giạt cả lại. Trạng Vật cố sức đánh theo ra, vừa gặp Trạng Ân. Hỏi ra mới biết Trạng Lợn, Trạng Ân kéo quân tới đó, thấy Trạng Vật bị vây, kịp sai quân sĩ đốt ngay hỏa hổ đánh vào. Voi bị hỏa hổ đốt nóng, cong vòi mà chạy, vì thế vỡ vây, Trạng Vật mới ra thoát. Ba người hợp lại một, điểm binh tổn hết hơn trăm người.

Trạng Lợn tức lắm, về doanh thở dài cả đêm. Phán Khanh bảo Trạng rằng:

- Tôi nghe quân giặc tợn mà không mẹo, ngu mà hay tham, chỉ cậy có đất hiểm, voi dữ mà thôi. Ngày mai, xin Tham tán cứ chia quân ra từng toán. Mỗi toán chừng độ hai, ba mươi người. Mỗi người đeo một cái câu liêm, một cái búa sắt, nằm phục các khe núi. Rồi cho một người đem một toán quân đánh trâu bò đi, giả làm tải lương, tất nhiên nó ra cướp, thời bỏ cả mà chạy, để cho chúng nó tranh nhau cướp, bất thành linh xông ra đánh, câu liêm quắc vòi, búa sắt bổ mông, thời voi tợn thế nào cũng phải chạy.

Trạng lấy làm cao mẹo. Sáng mai cho triệu Trạng Vật, Trạng Ân, Trạng Cờ đến, ghé tai bảo ông này như thế như thế, ông kia như thế như thế. Các ông y mẹo đi xong, Trạng mới sai một người tì tướng giống trâu bò, lợn gà đi cùng với Trạng. Đi đến nửa đường, quân giặc trông thấy, quả nhiên rủ nhau ra ăn cướp. Trạng vội vàng bỏ chạy. Quân giặc xông ra cầm đầu tranh cướp. Đang lúc hỗn độn, Trạng nổi trống phát hiệu, quân phục đều dậy, người nào người ấy cố sức xông vào, kẻ thời búa bổ, người thời câu quắc, voi hồng lên mà chạy, giẫm đạp lên nhau. Quân giặc chết hại không biết bao nhiêu mà kể.

Quân giặc phải một trận như vậy đều lùi, lẫn cả vào rừng, không dám ra đánh nữa. Quan quân tiến vào đánh, thời chỉ thấy cung nỏ bắn ra như mưa, mà người thời không thấy. Quân đóng đến hai mươi ngày khiêu chiến, nhưng nó không chịu ra. Muốn lui thời lại sợ nó ra quấy.

Trạng Vật nóng ruột quá, vào nói với Trạng Lợn rằng:

- Quân đóng lâu ngày, muốn đánh không được đánh. Vả lại rừng núi hiểm trở, vận tải rất khó. Tôi sợ về sau lương soạn không chu thời làm thế nào?

Trạng Lợn nói:

- Tôi đương nghĩ. Tiên phong cứ về doanh trại nghỉ. Mai tự khắc có mẹo.

Đến đêm vào nhà tư, bàn với Phấn Khanh. Phấn Khanh nói:

- Tôi nghe nói tính quân giặc giáo giờ không thường. Phi làm cho nó đến kinh sợ mất vía một trận nữa, thì nó không chịu phục. Bất nhược bây giờ làm một kế phá đồn điền. Ngày thời cho quân vào rừng chặt củi, cắt cỏ tranh. Tối thời đào đất làm hố. Chỗ nào đất không thời trồng ngô, trồng đậu. Đợi bao giờ củi khô cỏ héo, ngô đậu mọc đều, tự nhiên có mẹo.

Nói xong rồi ghé vào tai Trạng bảo như thế, như thế. Trạng mừng lắm, gật đầu nói rằng: “Ừ! Mẹo ấy phải đấy”.

Ngày mai Trạng truyền tư giấy đi các doanh, phải cắt quân thay đổi vào rừng, chặt củi phá cỏ. Cây trồng được một tháng, lại truyền sắp rút quân. Trạng Vật, Trạng Ăn, Trạng Cờ tiếp được giấy, vội vàng đến hỏi Trạng rằng:

- Ngô đậu xanh tốt, đã sắp đến ngày được ăn. Sao Tham tán lại truyền rút quân là ý thế nào?

Trạng ghé vào tai sẽ bảo như thế, như thế. Ba người hiểu ý ra, giả tảng sắp sửa đồ, lui quân, đem dầu mỡ, diêm sinh vẩy vào cỏ củi, ngô đậu. Rồi đầu trống canh năm cắt quân trở sớm.

Quân do thám giặc thấy quan quân rút, về báo với tướng. Các cậu hám lợi, đem quân ra chực ăn cướp những đồ lương thực. Trạng sai Trạng Vật, Trạng Ăn tìm đường tắt, đi gấp đến chỗ sào huyệt giặc đóng, đốt hết cả doanh trại, lương thực. Tướng giặc vừa cắt quân đến chỗ đồn điền, các cậu voi ta thấy ngô đậu xanh tốt, xô vào ăn. Trạng quay quân lại đánh. Hai bên đánh lộn nhau độ một giờ, Trạng nổi hỏa hiệu, quân phục đều dậy phát hỏa đốt lên cỏ khô, củi nỏ, một chốc bùng lên ngất trời. Các cậu voi ù té chạy cuống cả lên. Cậu thời sa chân xuống hố. Cậu thời đâm đầu vào lửa. Quân giặc mười phần chết bảy. Tướng giặc hoảng hốt chạy về đến trại, đã thấy quan quân đóng chặt cả trại, vội vàng ù té thúc voi chạy. Vừa đến chỗ khe núi, bị hai Trạng phục ở đó, lấy câu liêm quắc hai tướng giặc ở trên mình voi ngã xuống, bắt sống được cả đóng cũi giải về Nghệ An. Trạng thừa thắng kéo quân qua Đà Nẵng, Cổ Lũy, xông thẳng đến chân thành giặc. Chúa giặc hoảng hốt sợ hãi,

quỳ gối đi đến tận cửa doanh xin hàng, không dám kháng cự. Từ đây hai nước đều yên.

Trạng kéo quân về Nghệ An, Bùi tướng công mừng lắm, rút quân về triều, dâng công. Thiên tử nghe tin ngự giá ra khỏi hoàng thành đón rước về triều khao thưởng quân sĩ, ban phong chức tước.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY **Lộ mưu thù, Thái sư chịu tội - Hết phép thử, Bắc sứ phục tài**

Năm bảy giờ nhà vua mừng được chúa giặc triều phục, nghĩ những người công thần đánh dẹp, giáng sắc gia phong Bùi công nhất phẩm Thượng quốc công. Trạng Lợn làm Hàn lâm trực học sĩ, gia tam cấp, Trạng Vật làm Điện tiền chỉ huy sứ, Trạng Ăn làm Nội các trực học sĩ, Trạng Cờ làm Thị lang, còn các tướng tá tùy chinh cũng đều lượng công gia phong cả.

Nói về Dương Thái sư, từ khi cử Bùi công, Trạng Lợn đi dẹp giặc, một hai muốn những cho giặc giết. Không ngờ xảy ra như vậy, trong bụng lại càng tức tối, ghen ghét, chỉ chực bới cách gièm pha, nhưng chưa tìm được cách gì. Trời kia khiến vậy, thế nào tướng giặc dâng thư thú cáo, lại có một bức thư của Thái sư giục hai động vào cướp. Thiên tử nổi giận, giáng chỉ giao triều đình nghị xét. Trạng phụng chỉ xét Dương Thái sư nguyên là em mẹ thái tử Nghi Dân. Nhân lúc Nghi Dân sắp làm loạn, ngầm sai Thái sư viết thư hẹn hai động đem quân vào giúp. Hai nước đem quân vào cõi, nghe thấy Nghi Dân đã hỏng rồi, vả lại vừa hết lương cho nên phải giông quân ăn cướp. Tàu lên, bắt Thái sư bỏ ngục, cách hết quan tước. Tịch ký gia tài, được tể giác, ngà voi và đồ của hai động đem cho, không biết bao nhiêu mà kể. Sau có thơ rằng:

*Trời đâu có lẽ tựa người gian
Mắc tội thôi thôi cũng chẳng oan
Ngậm máu phun người, nhớ miệng trước
Xưa nay từng thấy đã chan chan*

Nói về bảy giờ, khi các động triều phục, dân sự yên ổn, thiên tử mừng lắm, sai sứ sang sửa lễ giao hảo với Tàu. Tàu cũng cho sứ sang đáp lễ. Sang

đến nơi, sứ Tàu có ý muốn đấu trí, đấu lực để thử người tài nước Nam. Sứ Tàu cậy mình cao cờ, nói với vua Lê xn mở đại hội đánh cờ, đấu trí cao thấp. Vua vốn cờ thấp, lấy làm lo, mới hỏi Trạng, Trạng tâu:

- Rộng bề trên, cứ phúc thư trả lời, định ngày hội đấu. Hạ thần xin dâng một người rất cao cờ, dẫu có Đế Thích^[47] phục sinh cũng không ngại. Người ấy họ Nguyễn, hiện đương làm chức Thị lang.

Vua hỏi:

- Thế thời làm mẹo gì?

Trạng nói:

- Xin bề trên cứ yên lòng! Đến ngày ấy, tiểu thần khắc có mẹo.

Đến ngày hội đấu, Trạng xin đem bàn cờ để trong sân rồng, để nhà vua đối địch với sứ và ghé tai tâu vua cứ như thế, như thế. Rồi đem lọng dù thủng một lỗ, sai Trạng Cờ đứng che lọng cho vua. Đến lúc đánh, hễ Trạng Cờ xoay cái lọng bóng nắng chiếu vào chỗ nào thì vua nhắc quân đi đến đấy. Quả nhiên, sứ Tàu bị phải nước chiếu dòn, không lấy nước nào cự lại được, phải ngồi bó cánh ngay râu chịu thua. Thiên tử mừng lắm, gia phong cho Thị lang là Cờ Trạng nguyên, và khen Trạng Lợn là “Tiểu Vũ hầu”^[48], ban thưởng nhiều lắm. Sứ Tàu thua cờ, tức quá nghĩ một mẹo: lấy cây gỗ bào nhẵn đầu đuôi, sơn then khắp cả, đề ba chữ trắng vào cây gỗ rằng “Hồ bất thực”. Dem hỏi, cả triều không ai tán ra được. Lại hỏi Trạng, Trạng lập tức ứng khẩu rằng:

- Hồ bất thực là cáo chẳng ăn. Cáo chẳng ăn thì cáo đói. Cáo đói thì cáo gầy. Cáo gầy là cây gạo chứ gì! Chẳng tin bổ gỗ ra xem.

Bỏ ra, quả nhiên gỗ gạo thực. Sứ Tàu thấy thế, mướt mồ hôi than rằng:

- Người nước Nam tài giỏi như vậy, còn lấy trí thuật mà đấu thế nào được. Từ đó, không dám thò một ngón gì ra nữa.

Bấy giờ vua mở tiệc thưởng công và khen Trạng Lợn, Trạng Cờ rằng:

- Nếu trong triều đình đều được như bậc các người cả thời trăm chỉ năm yên ngủ kỹ (!)

Hai người lạy tạ, tâu rằng:

- Đó là nhờ uy đức nhà vua. Thực sức chúng tôi đâu được thế!

HỘI THỨ MƯỜI TÁM
Sang sứ Tàu, nói đâu ra đấy
- Dạy hoàng tử, đồn dũ thoát thân

Lê triều nhà Lê, ba năm phải một lần sang Tàu giảng nghĩa giao hiếu. Năm bấy giờ đã đến kỳ phải sang sứ. Triều đình (thấy) Trạng là người ứng đối tài giỏi có danh tiếng, biểu tâu cử Trạng. Vua chuẩn tâu, giáng chỉ phong cho làm chánh sứ. Còn từ phó sứ trở xuống, thời cho Trạng bảo cử. Trạng thấy chỉ, lấy làm lo lắng, nghĩ bụng rằng: “Nước Tàu là nước văn vật, mà mình lại ít chữ nghĩa, trừ phi bảo cử một người văn chương rất tài trong cánh mình thời không sao đương nổi”. Lập tức biểu tâu xin cử ông Trạng Ân làm chức phó sứ.

Khi đi đến cửa ải Nam Quan, đưa tin vào. Quân giữ ải không chịu mở cửa. Chốc thấy nó đưa ra một chữ “Thập” (十) bằng gỗ rồi lấy tay chỉ đông chỉ tây, nói xí xỏ một chốc, nghĩa là chữ “*Tung hoành vũ trụ*”, thử xem có đối được không đã, thời mới chịu mở cửa. Trạng không hiểu ra làm sao, trong bụng lo quá, bảo phó sứ rằng: “Tiu nhà ma ^[49]! Nó đã muốn ngang dọc thời ta vòng tròn lại cho một cái”, rồi sai người làm một cái vòng tròn đưa vào. Quân giữ ải tán ra rằng: vòng tròn buộc cả trời đất, thế là “*Bao quát càn khôn*”. Chịu phục Trạng hay chữ, nó lập tức phải ra mở cửa nghênh tiếp.

Qua cửa ải rồi, sang đến đường đất nước người, Trạng thấy phong cảnh lạ cách, trông xem lấy làm thích lắm. Chợt đi đến quần đồng sâu, thấy có một người con gái đang vạch quần đái, Trạng chỉ tay nói đùa với phó sứ rằng:

- Kia quan lớn xem: *Nong tay dí bẹn đỏ hăm hăm*.

Nói xong, cùng cười âm cả lên. Lê đi sứ, ông chánh hể nói câu gì, thời ông phó phải ghi câu đấy. Trạng nói nôm, ông phó theo tiếng mà ghi, bằng chữ Hán, chệch ra là: “*Đông Tây chí Biện đồ hân hân*” ^[50].

Khi đi qua đến đất Biện Kinh, quan sở tại lại nghe thấy sứ đến ra nghênh

tiếp, đón vào sứ quán, có ý muốn lấy chữ nghĩa thử sứ, ra một câu đối rằng:
“*Nam Bắc lai triều đạ tể tể*”

Vừa đọc khỏi miệng, Trạng ngoảnh lại bảo ông phó sứ rằng: “Kìa, cái câu hôm nọ đâu, ngài đem đối đi”. Ông phó sứ cứ sẵn thế đưa ra, thời quả nhiên thực là một câu đối giỏi lắm. Quan Tàu thấy thế, phục sứ An Nam thần thông, có tài biết trước, trong bụng kính phục lắm, khoản đãi rất trọng hậu.

Sang đến Yên Kinh, vào châu yết vua Tàu. Vua Tàu muốn thử sứ, ngầm sai một người trang hoàng một chỗ cung quán rất lịch sự, đề hai chữ “*kính thiên*” treo gian giữa, bày một đôi sập thất bảo rất cao, xung quanh bày nghi vệ sang trọng lắm, như là một chỗ giường ngự của thiên tử, để xem Trạng có dám ngồi hay không. Khi sắp đãi yến, họ đưa Trạng và phó sứ đi xem khắp tất cả rồi mới đưa đến đây. Trạng tưởng chỗ ấy là để khoản đãi mình, leo phất lên ngồi. Ông phó sứ ngửa lên thấy hai chữ “*kính thiên*” liếc mắt trông lên, sẽ trở tay lên bảo, Trạng mới ngửa lên rồi lại thủng thỉnh bảo phó sứ rằng:

- Đó chẳng phải là chỗ đợi chúng ta ngồi là gì? Ngài cứ lên đây!

Ông phó sứ chưa hiểu thế nào, cũng cứ lên ngồi, nhưng vẫn có ý nhút nhát, mà Trạng cứ nói cười thung dung. Có một người quan Tàu ra, chỉ tay lên đây, hặc rằng:

- Có sao sứ An Nam^[51] lại được ngạo ngược vô lễ như vậy? Không trông lên trên kia xem chỗ này là chỗ thế nào mà dám nhảy lên ngồi chễm chệ ở đây là nghĩa làm sao?

Trạng nói:

- Dám thưa, đại thần lấy tội gì mà lại cho hạ quan là ngạo. Hạ quan nhân thấy biển đề rõ ràng là ba chữ “*kính nhị nhân*”^[52]. Thực là bản ý thượng quốc muốn đem cái ngôi này để hậu đãi sứ thần xa lại, chứ không phải lỗi tiểu sứ. Ngài mà dạy thế, chúng tôi quyết không chịu. Vả nghe cổ nhân có nói: “Đãi người phương xa cốt lấy bụng thực. Tôi nghe thánh triều lấy thành tín đãi người ngoại quốc. Thế mà người phương xa tới, lại đem cái bụng trí thuật làm oai. Tôi sợ người ta nghe tiếng, dẫu có lòng thực hướng mộ, cũng sinh bụng nghi mà không lại nữa.

Quan Tàu thấy Trạng nói chẻ hoe như là đã biết gan ruột rồi, vội vàng tạ

lại rằng:

- Thôi xin quý sứ xá lỗi, xá lỗi! Nghĩ là buổi mới, thử xem có phải là bậc tài giỏi không mà thôi. Nhưng mà quý sứ là bậc thông minh thực! Đã giỏi mà biết trước được như thế, còn có hề gì.

Một chốc thấy người bung hai cổ xôi, hai con lợn ra đặt ở giường chánh sứ và ở giường phó sứ, rồi truyền chỉ thiên triều ban yến. Hai người đều mặc áo triều phục bái mạng xong, ngồi lên ăn. Nguyên con lợn là một cổ toàn đồ ăn mà cổ xôi là cổ đồ nước, đều là lấy bột đắp làm giả hình cả, mà những đồ trân cam, mỹ vị ở trong, thứ nào vào thứ ấy đều sẵn sàng cả. Trạng tưởng là con lợn với cổ xôi thực, cầm dao ra cắt ngay cái thủ trước rồi rạch ra làm đôi, lại pha ra làm tư, lật ra thấy bên trong thức nào ra thức ấy, lăm mùi lạ lùng. Trạng lại lấy dao cắt nhỏ những bột đắp rồi mới ăn. Còn cổ xôi, Trạng xấn ra làm tư mới biết bên trong toàn những thức bánh. Trạng mới tỉnh ra mà lui lại về sau.

Các quan Tàu khen sứ An Nam ăn uống như thế mới thực là phải phép. Rõ ràng là: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng biến hóa vô cùng”!

Ông phó sứ vốn là người có tiếng ăn khỏe. Tiệc yến hôm ấy đông mặt những quan Tàu. Ngài lại khoe sức ra oai, ăn như mưa như bão, ăn một chốc hai cổ hết tận, không còn thừa một ít nào.

Các quan Tàu thấy thế đều lắc đầu lè lưỡi xì xồ bảo nhau rằng: “Bậc ấy không biết trong bụng chứa chất như thế nào?”, nên gọi là Thực Trạng nguyên^[53].

Một hôm, vua Tàu hội các sứ ngoại quốc ở vườn Ngự chơi hoa, ban yến. Vua Tàu đi trước, các sứ tùy giá theo sau. Đến chỗ ấy, dưới có cái hồ thả sen, trên trồng các thứ hoa lạ, cảnh vật thanh thú, giữa có cái đình, bốn bề xây bát vận thông luân (?) cả, giữa treo một bức ngự thư đề hai chữ “*trùng nhĩ*”. Vua Tàu trở lên hỏi sứ các nước hiểu là thế nào không? Các sứ còn đương nghĩ chưa biết tâu là gì, Trạng tự nhiên vô tình tâu rằng:

- Rộng thánh hoàng muôn tuổi, đây thực là *phong nguyệt vô biên*.

Vua Tàu thấy Trạng ứng đối nhanh nhẹn và hiểu được hai chữ ấy, khen

mãi, phán rằng:

- Ủ, sứ An Nam thực là thông minh có một, đáng tài Trạng. Ngạn ngữ nói: Nhất Cao Ly, nhì Nam Việt. Bây giờ xem thế thời Việt Nam là nhất.

Xét vua Tàu viết hai chữ “trùng nhị” (虫二), vốn lấy nghĩa là: chữ “phong” (風) và chữ “nguyệt” (月) không có bên ngoài thành ra chữ “*phong nguyệt vô biên*”. Trạng không biết ý sâu như vậy, chỉ vì đương lúc bấy giờ thấy phong cảnh mát mẻ, nhớ đến chữ “*phong nguyệt vô biên*” ở chùa khi trước. Chẳng qua tàu lên để tán tụng mà thôi, nào biết đâu là trúng!

Năm sau, nước Tàu đại hạn, nắng mãi đến sáu, bảy tháng không cày cấy được. Cầu đảo thế nào cũng không mưa. Vua Tàu hội các sứ bắt cất lượt đảo vũ. Trạng biết chừng trời chưa mưa, bụng nghĩ được một mẹo, tàu với vua Tàu xin nhường các sứ nước khác đảo trước. Còn Trạng thời cứ ngày nào cũng đi xem các thứ cây cỏ, thấy cỏ gà điểm lang, rễ si mới trắng, bấy giờ mới tàu vua xin lập đàn kỳ đảo. Khi lập đàn, nào là bày ra những ngũ phương, ngũ hành, bát phương, bát quái, nhị thập bát tú, lục giáp, lục đỉnh, thanh long, bạch hổ, chu thước, huyền vũ, mỗi vị bát rượu, bát nước làm ra kiểu cách kỳ dị lắm. Xong đâu vào đấy, rồi mới xoa tóc tai lên đàn, phủ phục khấn vái, xỏ ra một nút nào là “*một tinh, thâm tinh, mục tinh, chó tinh, khâm tinh, lái tinh, kẹo tinh, bát tinh, hấp tinh*”, rất những câu nói lái hàng thịt cóp nhặt cả lại mà đọc ra vanh vách cho hết ^[54]. Đến lúc cuối cùng làm ngay một câu “*tinh linh tinh*” rồi dón cả các bát nước ở trên đàn, ra vẩy khắp tất cả bốn phương. Quả nhiên, một chốc bốn bề mây kéo lên đùn đùn, rồi mưa xuống một trận rất to. Vua quan nước Tàu và sứ các nước thấy thế đều lấy làm kinh hãi, kẻ nọ bảo người kia rằng: “Sứ An Nam thực là thánh. Không biết học rộng đến thế nào mà tinh thông thiên văn được đến như thế? Bao nhiêu vì sao trên trời, thuộc hết cả tên, kẻ ra vanh vách tất cả. Gia Cát ngày xưa bắt quá cũng độ như thế chứ cũng chẳng hơn”.

Từ đó, học trò nước Tàu nghe tiếng Trạng tranh nhau đến học. Trạng cố từ cũng không được. Sau lập kế, phải cáo rằng: Còn việc nước bận lắm, không thể bảo học được. Con các quan cố ý xin ra đầu bài ngay đem về nhà làm. Trạng nghĩ quanh nghĩ quẩn không biết làm thế nào, ngo ngác ngảnh lên thấy trên *bàn cúng tiên sư* có bày *bình hương, bình hoa*, và bên cạnh lại có bức hình nàng *tiên cô thổi sáo, đàn dê đứng nghe*, nói lái đọc ngay rằng: “*Sừ*

tiên ban, sứ tiên cung, hựu hữu hường binh, hòa binh kiến đề đan thánh cô tiên ca sảo thối”^[55].

Các cậu đem về không biết ở sách nào mà tìm, hỏi khắp cả những bậc hay chữ nhất nước Tàu mà không ai biết. Đến năm sau, bỗng có một người Phiên tướng xưng danh là *Sứ Tiên Ban*, nhân được một cái *cung tiến* cho, bắn phát nào thời trúng phát ấy, lại dụ quân *Hường Nam, Hòa Nam* cùng vào quấy nhiễu nước Tàu. Sau có ông quan trấn thủ xứ ấy là *Tề Đan* vào rừng tìm được một vị *Cồ Tiên* cầu kế. Ông Cồ Tiên chỉ hát một khúc tự nhiên giặc phải lui. Bấy giờ vua quan nước Tàu mới hiểu cái đầu bài ấy, càng khen Trạng và lại thêm kính trọng.

Đến ngày hạn về, vua Tàu cố ép Trạng ở lại để dạy hoàng tử. Trạng từ chối mãi không được, sau phải vâng mệnh ở lại. Trạng lập mẹo tâu vua xin làm cho một cái lầu rất cao để ngồi dạy cho tỉnh. Các vị hoàng tử xưa nay vẫn ở cung cấm, không quen trèo cao, lúc lên đến cửa lầu đã mệt hết sức, đứng thở chẳng được, nào kịp đâu nghĩ đến lễ phép chào hỏi. Trạng lập oai quát ngay lên rằng:

- Vô lễ như vậy còn dạy bảo được gì? Phàm đi học phải *tiên học lễ rồi sau mới học đến văn*”^[56]. Học mà đến không chào hỏi thầy, lễ còn chả biết nữa là văn thời biết gì?

Lập tức cầm roi vút liền không tiếc tay chút nào nữa. Rồi quăng roi xuống sàn, bảo rằng:

- *Nhất hay chữ, nhì dữ đòn*”^[57]. Có đau thời mới nhớ được!

Các vị hoàng tử thấy Trạng đánh đau quá, cho nên cuống cả lại, sờ hải quên cả lễ tạ. Trạng lại cầm roi thét đánh. Các vị hoàng tử sợ mất cả vía, vội vàng phải cúi xuống lạy xin tha. Sau Trạng chỉ ngồi giảng dụ những sự phép tắc đứng ngồi, chào hỏi, bắt ne, bắt net, giữ gìn từng tí. Các vị hoàng tử thấy Trạng nghiêm khắc, dữ dội quá, về mách với hoàng hậu. Hoàng hậu nghe nói thương con, sợ cho Trạng dạy mãi thời con bị đòn vọt khổ sở, lên tâu với vua rằng:

- Sứ An Nam ở bên này đã lâu, có ý nhớ vua nhớ nước, chỉ mong sự về. Xin nhà vua rộng thương cho sứ về thăm nhà, thăm nước, phục mạng bản

chúa. Tôi tưởng như thế thời nhà vua uy đức càng rộng, mà người xa vừa được yên lòng. Vả tôi xem ý hấn, người tuy ở đây nhưng bụng thời ở nước nhà, tính nét sinh ra nóng nảy, không thiết gì đến sự dạy bảo. Nếu nhà vua ép mãi ở đây, tôi sợ chẳng qua chỉ thêm cho hấn đánh hoài đánh hủy các vị hoàng tử mà thôi. Chứ thực là vô ích!

Vua nghe tâu, lập tức giáng chỉ cho Trạng về bản quốc.

HÒI THỨ MƯỜI CHÍN

Cáo trí sĩ, phụng chỉ gia phong

- Bến Tự Nhiên, gặp tiên đòi phép

Khi Trạng trở về, vào chầu vua. Vua thương Trạng đi xa xôi, đường đất nước người đã lâu ngày, bây giờ mới được thấy mặt, mừng lắm, vội vàng xuống thềm, cầm tay giải bày những sự nhớ mong và hỏi chuyện khi ở bên nước người. Trạng cúi đầu quỳ tâu, kể suốt từ đầu đến cuối, khi ứng việc nọ, khi đối việc kia, đều được thanh thỏa cả. Vua nghe tâu, than thở khen rằng: “người như thế thực là ông Mạch Đĩnh Chi của trẫm”. Ngày hôm ấy ban yến, múa nhạc ăn mừng. Vua tôi vui vẻ suốt ngày. Xong rồi, Trạng tạ ơn vua trở về.

Hai năm sau, tuổi Trạng mãn lệ sáu mươi, tâu vua xin về trí sĩ. Vua thấy Trạng có công với xã tắc nhiều lắm, gia phong làm Thượng quốc công trí sĩ, cấm đất lập ấp, để Trạng làm chỗ ăn lộc, phong tặng phụ mẫu, gia phong Phần Khanh làm Nhất phẩm phu nhân. Các con đều được tập ấm. Một vinh hiển phú quý. Lộc nước ơn vua không biết bao nhiêu mà kể!

Một hôm thông thả, Trạng cùng với phu nhân ngồi đàm đạo, chuyện mới, chuyện cũ. Phu nhân thông dong bảo Trạng rằng:

- Nhà ta bây giờ kể ra ơn nước, lộc trời đã nhiều. Chỉ hiềm lũ con thơ dại, ít học hành, mà ngài thời lúc đi xuất chinh, lúc đi sang sứ. Thiếp dầu biết năm ba chữ, dạy bảo chưa được bao nhiêu. Nay nhờ Thánh triều được công thành danh toại, cũng nên nghĩ lại trông xuống đàn con. Kéo để chúng nó ngu dốt, sợ sau người cười con nhà thất giáo.

Trạng nghe đến chuyện dạy học, chỉ những sự lãng đi mà bảo phu nhân rằng:

- Kể như phu nhân nói thế rất phải. Cha mẹ yêu con còn gì bằng dạy cho chúng nó học hành. Sách có chữ rằng: “Ngọc bất trác, bất thành khí; Nhân bất học, bất tri lý”^[58]. Chính lẽ ra tôi dạy chúng nó là phải. Chỉ vì công việc trở trăn, kinh sử biếng nhác. Bây giờ nhờ ơn nước mới được nghỉ tay, ví như chim bay vừa được nghỉ cánh, người gánh mội vừa được nghỉ vai, rất thêm những sự giao du sơn thủy để tĩnh dưỡng tinh thần. May có phu nhân gánh vác đỡ rồi, thực là quý hóa lắm! Thôi thời dạy bảo lấy con cũng là một việc nội trợ.

Từ đó trở đi, Trạng chỉ ngày ngày đàn sáo con hát, dong thuyền đi chơi, hết bến nọ đến bến kia để xem phong cảnh. Một hôm, đêm sáng trăng rất tỏ, chèo thuyền đi đến bến Tự Nhiên. Trạng ngồi bên cạnh thuyền, trông ngó thấy giữa sông có một bãi cát, ở trên có một cái miếu, phong cảnh lạ lùng. Hỏi người lái đò:

- Chỗ này là chỗ nào?

Người lái đò nói:

- Bẩm là bến Tự nhiên. Khi xưa ông Chử Đồng Tử hóa tiên ở đó. Bãi này là di tích của Ngài.

Trạng nghe thấy chữ Tự nhiên, chợt nhớ đến câu hát của ông cụ khi trước. Còn đương ngẫm nghĩ, bỗng thấy ông cụ chèo chiếc thuyền đến gọi Trạng rằng:

- Có phải Dương Đình Chung đó hay không? Lâu nay đã thỏa chí hay chưa? Lão cho mượn sách từ khi ấy đến giờ mà bây giờ đã được vinh hiển rồi, thời các phép của lão đem trả lão.

Trạng thấy gọi tên mình, vội vàng nhìn xem thì ra ông cụ dạy mình bói khi trước. Trạng toan cất lời lên; chưa kịp hỏi đã thấy ông cụ quay thuyền ra. Gọi với ông cụ lên thuyền nói chuyện, thế nào cũng không thấy cụ lại, Trạng bắt lái thuyền cố chèo cho kịp thuyền cụ. Xa xa, thấy bóng cụ ghé thuyền lên bãi rồi biến mất. Trạng cũng lên bãi, tìm khắp cả không hề thấy dấu vết gì cả. Trạng ngơ ngẩn than thở mãi rồi vào miếu lễ tạ. Xuống thuyền trở về, Trạng vào tàu chuyện với vua. Vua lấy làm kinh dị lắm, ban cho Trạng tiền để sửa sang đền miếu ông Chử Đồng Tử. Trạng phụng chỉ sửa sang xong. Tháng

tám năm ấy, Trạng tẩm gội vào triều, về nhà tự nhiên không có bệnh gì mà mất. Sống lâu 72 tuổi. Thực gọi là “Tam đa cụ túc, ngũ phúc kiêm toàn”^[59]. Về sau, bà Bùi phu nhân dạy các con cũng đều hiển đạt tất cả.

¹ . *Thần đồng*: đứa trẻ đình ngộ, thông minh đặc biệt. Truyền thuyết xưa kia về các bậc đỗ đạt cao, thông minh tốt bậc thường có chi tiết: ở một gò đồng xung quanh nhà, đêm đêm có tiếng trẻ con học bài. Từ khi sinh người ấy thì không còn tiếng trẻ học nữa. Người ta cho đó là tinh thần đồng đã nhập vào bậc ấy.

^[2] Nguyên văn không có, chúng tôi thêm vào cho rõ. Sau đây những chữ trong dấu ngoặc đơn đều do chúng tôi thêm.

^[3] *Mạc Đình Chi*: người làng Lũng Động, huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, đỗ Trạng nguyên năm 1340 đời Trần. Ông là người có tài ứng đối, đã sang sứ nhà Nguyên.

^[4] *Trạng Trình*: tức Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585), quê làng Trung Am, nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, đỗ trạng nguyên năm 1553 đời Mạc. Nổi tiếng học rộng, tinh thông lý học, khoa Thái Ất. Người đời thường lưu truyền nhiều câu sấm ký, nói là của ông.

^[5] *Lê Thái Tông*: con Lê Lợi và là ông vua thứ hai triều Lê. Ở ngôi từ năm 1434 – 1442.

^[6] *Tư thiên*: chức quan chuyên xem sao, đoán điềm trời. Quan niệm cũ cho rằng tình trạng mỗi ngôi sao trên trời đều ứng với vận mệnh một người dưới trần, nhất là những người ở ngôi tôn quý.

^[7] *Đế tòa*: ngôi vua.

^[8] *Chùa Thầy*: ở núi Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Sơn Bình ngày nay

^[9] Ý nói nặng nề, phức tạp.

^[10] Tức vì sao đứng đầu.

^[11] *Thầy phong thủy*: còn gọi là thầy “địa lý” chuyên xem kiểu đất tốt để mồ. Theo quan niệm mê tín, để được mồ mà cha ông vào kiểu đất tốt thì con cháu sẽ được hưởng phúc, ứng với thể đất ấy.

^[12] Đoạn này nói cái thể đất tốt của cái huyết ấy, đại khái đủ cả sông núi bao quanh, rồng hổ châu hầu, thần đồng ứng điềm thông minh, cờ biển ứng điềm vinh hiển (theo dị đoan cũ).

Phương Mão: phương tây bắc. *Phương Tốn*: phương đông nam.

^[13] *Tróc long, tầm hổ*: bắt rồng, tìm hổ. Ý nói đi tìm kiểu đất tốt để táng.

^[14] Nói tự nhiên mà thành câu đối rất hoàn chỉnh.

^[15] Trước học lễ rồi sau mới học chữ nghĩa.

^[16] Nguyên chữ “thiên” (天) tựa tựa như gồm hai chữ “nhị” (二) và “nhân” (人), nghĩa là hai người, “chữ địa” (地) gồm hai chữ “sĩ” (士), (đúng ra là chữ thổ (土) và chữ “dã” (也), “Sĩ” là học trò.

^[17] Ý nói linh lợi, hoạt bát.

^[18] Ý như rạng rỡ.

^[19] Không rõ một chữ.

^[20] Ba thứ đều là dụng cụ của hàng thịt. Đây chỉ nghề hàng thịt.

^[21] Quê dự: một quê trong kinh Dịch.

^[22] “Hạ mã” (下馬): xuống ngựa; “Bất yên” (不焉) đọc lên có ý như: không được yên ổn.

^[23] Bồng Lai, Lãng Uyển: chỉ cảnh tiên.

^[24] Tiếng lóng của hàng thịt.

- [25] Nghĩa là: tinh thông sâu sắc lễ đạo huyền diệu.
- [26] Câu này lạc vắn. Nhưng vẫn dễ như nguyên bản.
- [27] Một cuộc gặp gỡ kỳ lạ, nghìn năm có một.
- [28] Lẽ xưa, những người đồ đại khoa, từ tiến sĩ trở lên được vào xem vườn Ngự Uyển (vườn hoa của nhà vua) và được ban hoa. Đây ý nói cố gắng đỗ đạt đã.
- [29] Ý nói lấy vợ rồi thi đỗ sau.
- [30] “Chung” 鍾 là tên của Trọng. Chữ ấy có thể tách ra theo phép chiết tự thành: 千 (thiên) + 里 (lý) = 重 (trọng), ghép với chữ 金 (kim), thành chữ 鍾. Tự nhiên thành về đối rất chỉnh với chữ “Phân” 粉, cả về luật, về chữ và về nghĩa: “Nghìn xóm làng trọng quả chuông vàng” đối với “Tám con dao chia một hạt gạo”.
- [31] Những thuật ngữ, khái niệm trong phép bói toán.
- [32] Nhất giáp, nhị giáp: bậc thứ nhất, thứ hai của học vị tiến sĩ.
- [33] Nghĩa là: Vật người ta nuôi, ngựa trâu dê, đó là “lục súc”. Chữ trong sách Tam tự kinh mà Trọng đã học. Nguyên đầy đủ là: “Mã ngư dương, kê khuyến thi, thử lục súc, nhân sở tự” (Ngựa trâu dê, gà chó lợn, sáu con vật, người ta nuôi), trạng nhớ không hết, chỉ đọc được như trên.
- [34] Tên một bộ tộc có thực ở vùng Tây Nguyên.
- [35] Tức công chúa, con gái vua.
- [36] Tên một người nổi tiếng bói toán giỏi thời cổ ở Trung Quốc.
- [37] Đúng ra “đồng niên” là bạn đỗ cùng một khoa thi. Đây ý nói là cùng tuổi. Vì ba ông này và Trọng Lợn là bốn tá tinh cùng giảng trần một lúc.
- [38] Quan châu hầu trong cung cấm.
- [39] Lên ngôi.
- [40] Tình cờ lặp lại câu đối của Phan Khanh và Trọng Lợn ở hồi thứ tám.
- [41] Tự tay vua viết, tỏ ý trân trọng.
- [42] Chân Trọng Nguyên: Trọng nguyên thật sự! (đúng tài!).
- [43] Con rể quý.
- [44] Lễ cưới
- [45] Chúng tôi thay hai danh từ riêng cho hợp.
- [46] Nghĩa là Trọng nguyên Vật.
- [47] Một người nổi tiếng cao cờ thời xưa
- [48] Vũ hầu tức Gia Cát Lượng, một người nổi tiếng tài trí mưu mẹo. Đây ý khen Trọng Lợn như một Gia Cát thứ hai.
- [49] Tiếng Tàu chửi tục.
- [50] Nghĩa là: Người miền Đông, người miền Tây đi đến Biện thấy (quang cảnh) rất vui vẻ. (Đất Biện tức Biện Kinh, kinh đô Trung Quốc thời nhà Tống).
- [51] Cách quan Tàu gọi nước ta một cách ngạo mạn.
- [52] Chữ “Thiên” nghĩa là trời. Vua Tàu vẫn tự xưng mình là thiên tử (con trời). Cái đốt, cái giò của Trọng Lợn là đã nhận nhầm, hay có tình biện bác chữ 天 (thiên) thành 二人 (nhị nhân). “Nhị nhân” là hai người, là hai ông chánh, phó sứ.
- [53] Trọng nguyên Ăn.
- [54] Đại khái cách nói lái ấy: *tinh*: tiền; *lái*: hai; *thâm*: ba; *chớ*: bốn; *kẹo*: năm, ...
- [55] Cái hài hước của đoạn này là: Trọng Lợn bí chữ, tình cờ nhìn quanh cảnh vật, nói lái lung tung: *sừ tiên ban* – bàn tiên

sư; *sứ tiên cung* – cúng tiên sư; *hương bình* – bình hương; *hòa bình* – bình hoa; *dê đàn* – đàn dê; *sáo thối* – thối sáo, ... nhưng khi đọc, theo nghĩa chữ Hán (có chỗ đọc chệch đi một chút) thì lại có nghĩa đại khái như đoạn sau.

[56] Toàn lặp lại lời thầy đồ, ngày trước đã học

[57] Toàn lặp lại lời thầy đồ, ngày trước đã học

[58] Chữ trong sách *Tam Tự Kinh* nghĩa là: Ngọc không giữa không thành vật gì, người không học thì không biết gì.

[59] Nghĩa là: đầy đủ cả “tam đa”, trọn vẹn cả “phúc lộc”. Tam đa: phúc (có phúc, nhiều con), lộc (lắm bổng lộc), thọ (sống lâu), Ngũ phúc: phú (giàu), quý (sang), thọ (sống lâu), Khang (mạnh khỏe), ninh (yên vui). Đó là mơ ước về hạnh phúc của các nho sĩ xưa kia.